

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trần Thị Tuyết Ngân
Giảng viên hướng dẫn: TS. Nguyễn Thị Mỹ

HẢI PHÒNG - 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY TNHH VĨNH SINH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên Trần Thị Tuyết Ngân
Giảng viên hướng dẫn: TS. Nguyễn Thị Mỹ**

HẢI PHÒNG - 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Thị Tuyết Ngân Mã SV: 1354010186

Lớp: QT1301K Ngành : Kế toán kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....
- Mô tả phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Số liệu về tình hình kinh doanh của Công ty TNHH Vĩnh Sinh năm 2012.....
- Số liệu về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH Vĩnh Sinh.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Mỹ

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Cơ quan công tác: Trường ĐH Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Định hướng nghiên cứu giải quyết đề tài tốt nghiệp, định hướng cách hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong DN, định hướng mô tả và phân tích thực trạng, kiến nghị hoàn thiện đề tài nghiên cứu.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:

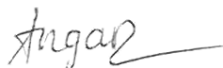
Nội dung hướng dẫn:

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên



Trần Thị Tuyết Ngân

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn



TS. Nguyễn Thị Mỹ

Hải Phòng, ngày tháng năm 2013

Hiệu trưởng

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
- Luôn chấp hành tốt mọi nhiệm vụ, kế hoạch
thực hiện khoa học, luôn tốt nghiệp
- Có khả năng nghiên cứu độc lập, chủ động trong
quá trình làm đề tài tốt nghiệp
- Tinh thần thái độ nghiêm túc, cầu thị và ham
học hỏi.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
- Khóa luận đã làm rõ cơ sở lý luận đặt nền móng
cho giải quyết vấn đề
- Đã khai thác thực trạng, phân tích đánh giá công
tác chủ yếu, kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản phẩm
liên quan ảnh hưởng thực tiễn, đây chủ
- Đã đề xuất một số biện pháp hoàn thiện công tác
tổ chức, kế toán tại Công ty có cơ sở và mang lại
ý nghĩa thực tiễn cho Công ty

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

9,0 (chín)

Hải Phòng, ngày 14 tháng 6 năm 2013

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. Nguyễn Thị Mỹ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT THỰC TẬP

Họ và tên sinh viên: Trần Thị Tuyết Ngân Ngày sinh: 14/1/1991
Lớp: QT1301.K Ngành: Kế toán kiểm toán Khóa: 13
Thực tập tại: Công ty TNHH Vĩnh Sinh
Từ ngày:/...../..... đến ngày/...../.....

1. Về tinh thần, thái độ, ý thức tổ chức kỷ luật:

Thực hiện giờ giấc, nội quy của công ty tốt.
Có tinh thần học hỏi, khiêm tốn với các anh
chị trong công ty.

2. Về những công việc được giao:

Tham gia hoạch toán kế toán
lập báo cáo thuế hàng tháng, gửi
biểu sử dụng phần mềm EFFECT

3. Kết quả đạt được:

Hoàn thành tốt công việc thực tập.

Xác nhận của lãnh đạo cơ sở thực tập



GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Đạt

Hải Phòng, ngày 13 tháng 6 năm 2013

Cán bộ hướng dẫn thực tập của cơ sở

Thực tập sinh đã hoàn thành tốt
quá trình thực tập tại công ty
TNHH Vĩnh Sinh.

Trần Thị Tuyết Ngân

HD02-B09

Trưởng T. Bùi Dân

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	11
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP.....	13
1.1- Nội dung cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.	13
1.1.1. Các khái niệm cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.....	13
1.1.2- Điều kiện ghi nhận doanh thu.	14
1.1.3- Nguyên tắc kế toán doanh thu.	15
1.1.4 - Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. ..	16
1.2- Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh	17
1.2.1- Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	17
1.2.2- Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.	21
1.2.3 Kế toán giá vốn bán hàng.....	25
1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	29
1.2.5. Kế toán chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp	32
1.2.6. Kế toán kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh (bán hàng).....	35
1.3. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính.....	36
1.3.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	36
1.3.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính.	37
1.3.3. Phương pháp hạch toán	38
1.4. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động khác	38
1.4.1 Kế toán thu nhập khác.....	38
1.4.2. Kế toán chi phí khác.....	39
1.4.3. Phương pháp hạch toán.	39

1.5. Sơ đồ 1.13: Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn DN	40
1.6. Sổ sách kế toán sử dụng phản ánh doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán.....	42
1.6.1. Hình thức Nhật ký – sổ cái.....	42
1.6.2. Hình thức Nhật ký chung	43
1.6.3. Hình thức nhật ký chứng từ	44
1.6.4. Hình thức Chứng từ ghi sổ.....	45
1.6.5. Hình thức kế toán trên máy tính.....	46
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VĨNH SINH.....	47
2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh	47
2.1.1. Thông tin chung về Công ty TNHH Vĩnh Sinh.....	47
2.1.2. Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh.....	47
2.1.3. Đặc điểm doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh.....	48
2.1.4. Kỳ hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh	48
2.1.5. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh	49
.....	49
2.1.6. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh	50
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh.....	52
2.2.1. Nội dung hạch toán doanh thu bán hàng và chi phí sản xuất kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh.	52

2.2.2. Nội dung hạch toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh.	77
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VĨNH SINH.....	90
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh.....	90
3.1.1. Ưu điểm:.....	90
3.1.2. Hạn chế.....	91
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh.....	92
3.2.1. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	92
3.2.2. Yêu cầu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh.....	93
3.2.3 Nội dung và giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh	93
3.2.3.1. Kiến nghị 1: Kiến nghị về hệ thống tài khoản sử dụng	93
3.2.3.2. Kiến nghị 2: Hoàn thiện hệ thống chứng từ kế toán	94
3.2.3.3. Kiến nghị 3: Về công tác kế toán.....	96
3.2.3.4. Kiến nghị 4: Về việc ứng dụng phần mềm kế toán	96
KẾT LUẬN	98
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	99

LỜI MỞ ĐẦU

1- Tính cấp thiết của đề tài:

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, kinh tế Việt Nam với những thay đổi mạnh mẽ đã có những bước phát triển vượt bậc. Xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế, nhất là khi Việt Nam gia nhập tổ chức WTO, đã mang lại nhiều cơ hội cũng như những thách thức trong việc phát triển kinh tế. Vấn đề đặt ra cho các nhà quản lý kinh tế của doanh nghiệp là cần phải năng động và sáng tạo hơn, sử dụng đồng vốn một cách hiệu quả nhất, làm cho doanh nghiệp ngày càng phát triển đi lên vững mạnh. Bởi vậy các doanh nghiệp phải luôn luôn quan tâm đến hiệu quả kinh doanh, chú trọng đến các chi phí bỏ ra, doanh số thu được và kết quả kinh doanh. Do đó, hạch toán kế toán nói chung và hạch toán kết quả kinh doanh nói riêng là vấn đề không thể thiếu trong mỗi doanh nghiệp. Mọi hoạt động, mọi nghiệp vụ phát sinh trong doanh nghiệp đều được hạch toán để đi đến công việc cuối cùng là xác định kết quả kinh doanh.

Hiện nay, thông tin về kết quả kinh doanh là rất quan trọng vì căn cứ vào đó các nhà quản lý mới có thể biết được quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình có đạt được hiệu quả hay không và lời lỗ thế nào? Từ đó định hướng phát triển trong tương lai.

Với chức năng cung cấp thông tin, kiểm tra các hoạt động kinh tế trong doanh nghiệp, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả của việc quản lý của doanh nghiệp.

Nhận thấy tầm quan trọng của hệ thống kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, em đã mạnh dạn nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh”** làm đề tài tốt nghiệp.

2- Mục đích nghiên cứu của đề tài:

- Về mặt lý luận: hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Về mặt thực tế: mô tả và phân tích thực trạng hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh .
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh.

3- Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài:

* Đối tượng nghiên cứu: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh

* Phạm vi nghiên cứu:

- Về không gian: Đề tài được thực hiện tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh
- Về thời gian: đề tài được thực hiện từ ngày 25/3/2013 đến ngày 29/6/2013
- Việc phân tích được lấy từ số liệu của năm 2012.

4- Phương pháp nghiên cứu:

- Phương pháp chung: bao gồm các phương pháp hạch toán kế toán (phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tính giá, phương pháp tổng hợp cân đối) các phương pháp phân tích kinh doanh (phương pháp chi tiết, phương pháp so sánh).
- Phương pháp luận biện chứng được sử dụng trong khoá luận này chủ yếu là biện chứng trong mối liên hệ giữa thực tế với lí luận chung về hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

5- Kết cấu của khoá luận:

Ngoài lời mở đầu và kết luận, kết cấu của khoá luận gồm 3 chương nội dung:

- Chương 1: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.
- Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh.
- Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

1.1- Nội dung cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.1. Các khái niệm cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

* **Bán hàng**: là quá trình chuyển giao quyền sở hữu về sản phẩm, hàng hóa từ người bán sang người mua, đồng thời người bán có quyền đòi tiền về số hàng đã chuyển giao quyền sở hữu.

* **Doanh thu**: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

* **Hàng bán bị trả lại**: là số sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều đã cam kết trong hợp đồng kinh tế như hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại.

* **Chiết khấu thương mại**: là khoản tiền mà doanh nghiệp giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trong hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

* **Giảm giá hàng bán**: là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp nhận trên giá đã thỏa thuận trong hóa đơn, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách...đã ghi trong hợp đồng

* **Doanh thu thuần**: là tổng các khoản thu nhập mang lại từ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (TK 511), doanh thu nội bộ (TK 512), sau khi đã trừ đi các khoản giảm từ doanh thu bao gồm: Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và thuế GTGT đầu ra phải nộp đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

* **Doanh thu hoạt động tài chính**: là những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp

* **Thu nhập khác:** là những khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp

* **Thời điểm ghi nhận doanh thu:** là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu về sản phẩm, hàng hóa, lao vụ từ người bán sang người mua. Nói cách khác, thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm người mua trả tiền cho người bán hay người mua chấp nhận thanh toán số sản phẩm hàng hóa, dịch vụ,...mà người bán đã chuyển giao.

* **Các hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.**

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả sản xuất kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác: là chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và khoản chi phí khác.

1.1.2- Điều kiện ghi nhận doanh thu.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14:

* Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

* Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Trường hợp về giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

* Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia: doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:
 - + Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi xuất thực tế từng kỳ.
 - + Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

1.1.3- Nguyên tắc kế toán doanh thu.

- Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và phải theo năm tài chính.
- Chỉ thu nhận doanh thu trong kỳ kế toán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, tiền cổ tức và lợi nhuận được chia đã quy định theo chuẩn mực kế toán số 14 và các quy định của chế độ kế toán hiện hành.
- Khi hàng hóa hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hóa hoặc dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu và không được ghi nhận là doanh thu.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT;
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT, hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán;
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu)
- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.
- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.
- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác nhận.

1.1.4 - Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác chi phí phát sinh trong kỳ cho từng đối tượng chịu chi phí của hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời và chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ kế toán.
- Phản ánh, tính toán và kết chuyển chính xác kết quả của từng hoạt động kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp nhằm xác định và phân phối kết quả kinh doanh đúng đắn, hợp lý.
- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh của toàn doanh nghiệp.

1.2- Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh

1.2.1- Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.2.1.1. Các phương thức tiêu thụ hàng chủ yếu trong các doanh nghiệp:

- Phương thức bán hàng trực tiếp cho khách hàng

+ Trường hợp giao hàng cho khách hàng trực tiếp tại kho của doanh nghiệp hoặc tại các phân xưởng sản xuất không qua kho thì số sản phẩm này khi đã giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ.

+ Trường hợp giao hàng tại kho của bên mua hoặc tại địa điểm nào đó đã quy định trước trong hợp đồng: Sản phẩm khi xuất kho chuyển đi vẫn còn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi được bên mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng đã chuyển giao thì số hàng đó được xác định là tiêu thụ.

- Phương thức gửi hàng đi cho khách hàng:

Là phương thức bên bán gửi hàng đi cho khách hàng theo điều kiện của hợp đồng kinh tế đã ký kết. Số hàng gửi đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của bên bán, khi khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì lợi ích và rủi ro được quyền giao toán bộ cho bên mua, giá trị hàng hóa đã được thực hiện và là thời điểm bên bán được ghi nhận doanh thu bán hàng.

- Phương thức gửi đại lý, ký gửi bán đúng giá hưởng hoa hồng.

+ Đối với đơn vị có hàng ký gửi (chủ hàng): Khi xuất hàng cho các đại lý hoặc các đơn vị nhận bán hàng ký gửi thì số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi được tiêu thụ. Khi bán được hàng ký gửi, doanh nghiệp sẽ trả cho đại lý hoặc bên nhận ký gửi một khoản hoa hồng tính theo tỷ lệ % trên giá ký gửi của số hàng ký gửi thực tế đã bán được. Khoản hoa hồng phải trả này được doanh nghiệp hạch toán vào chi phí bán hàng.

+ Đối với đại lý hoặc đơn vị nhận bán hàng ký gửi: Số sản phẩm, hàng hóa nhận bán ký gửi không thuộc quyền sở hữu của đơn vị này. Doanh thu của các đại lý chính là khoản hoa hồng được hưởng.

- Phương thức bán hàng trả chậm trả góp:

Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được xác định là tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần

tiền hàng ở ngay lần đầu được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trong hợp đồng. Khoản lãi do bán trả góp không được phản ánh vào tài khoản doanh thu (TK 511), mà được hạch toán như khoản doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp (TK 515). Doanh thu bán hàng trả góp phản ánh vào TK 511 được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền một lần.

- Phương thức hàng đổi hàng:

Là phương thức bán hàng mà doanh nghiệp đem sản phẩm, vật tư, hàng hóa để đổi lấy vật tư, hàng hóa khác không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư, hàng hóa tương ứng trên thị trường.

1.2.1.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng:

- Chứng từ sử dụng:

Chứng từ chủ yếu được sử dụng trong kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ gồm:

+ Hóa đơn bán hàng thông thường đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

+ Hóa đơn giá trị gia tăng (mẫu số 01 GTKT3/001) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

+ Bản thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu 14 – BH)

+ Thẻ quầy hàng (mẫu số 15 – BH)

+ Các chứng từ thanh toán (phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có ngân hàng, bảng sao kê của ngân hàng...)

+ Tờ khai thuế GTGT (mẫu số 07A/GTGT)+ Chứng từ kế toán liên quan khác như: Phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho hàng trả lại, hóa đơn vận chuyển, bốc dỡ...

- Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng TK 511 – doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Kế toán sử dụng TK 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ.

+ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được hoặc sẽ được thu từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ khách hàng gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán nếu có. Số tiền bán hàng được ghi trên Hóa đơn (GTGT), Hóa đơn bán hàng hoặc trên các

chứng từ khác có liên quan tới việc bán hàng, hoặc giá thỏa thuận giữa người mua và người bán.

TK 511 có 5 TK cấp 2:

- + TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa.
 - + TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm
 - + TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ .
 - + TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá.
 - + TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.
- + TK 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ: được sử dụng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng tổng công ty, tập đoàn.

TK 512 có 3 TK cấp 2:

- + TK 5121: Doanh thu bán hàng hóa nội bộ.
- + TK 5122: Doanh thu bán sản phẩm nội bộ.
- + TK 5123: Doanh thu dịch vụ nội bộ.

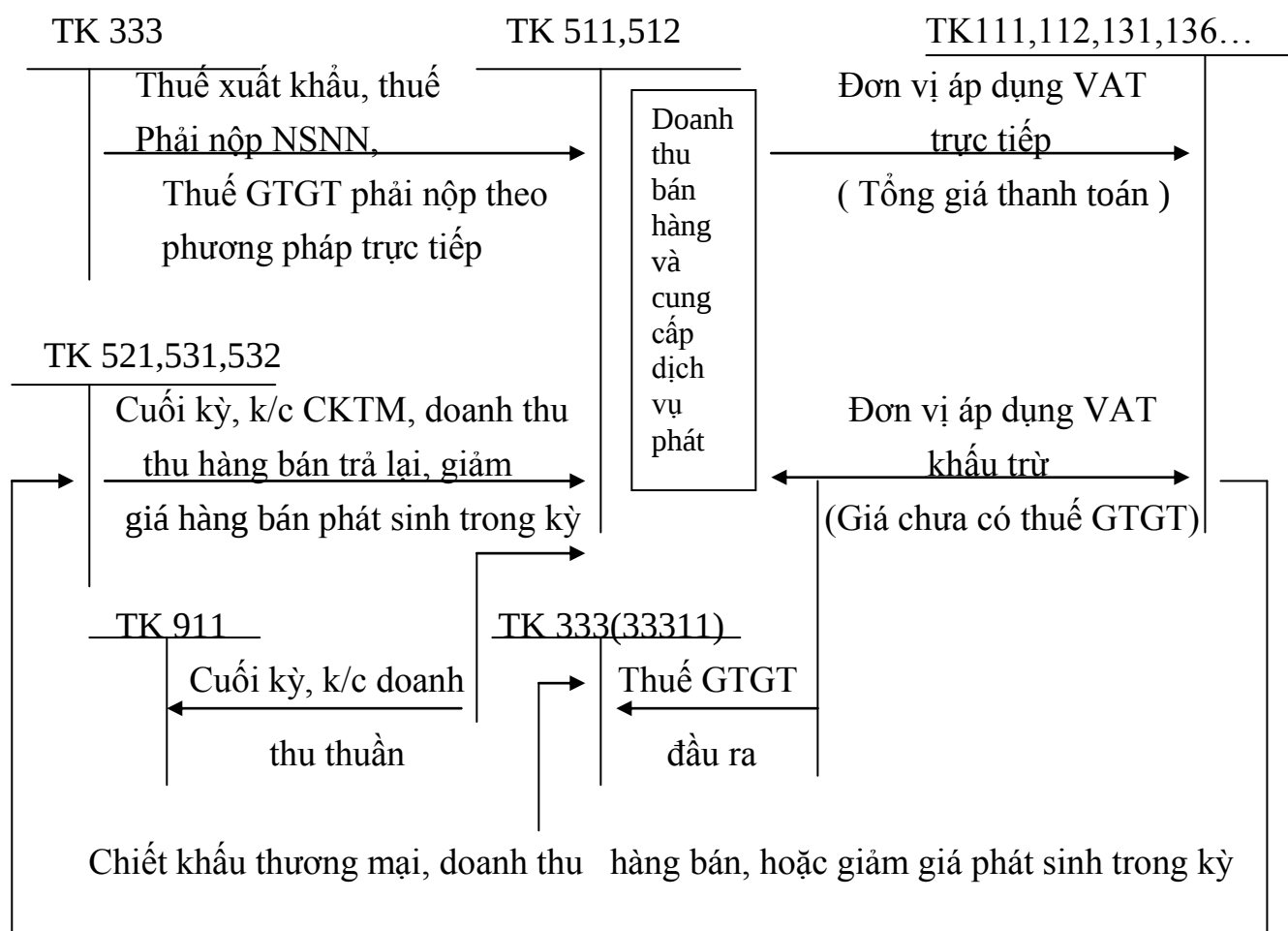
Kết cấu và nội dung phản ánh TK 511,512

Nợ	TK 511,512	Có
- Thuế TTĐB, thuế XK, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp - Khoản chiết khấu thương mại; trị giá hàng bán bị trả lại; giảm giá hàng bán. - Kết chuyển doanh thu thuần sang TK 911		- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp lao vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ hạch toán
Σ số phát sinh Nợ		Σ số phát sinh Có

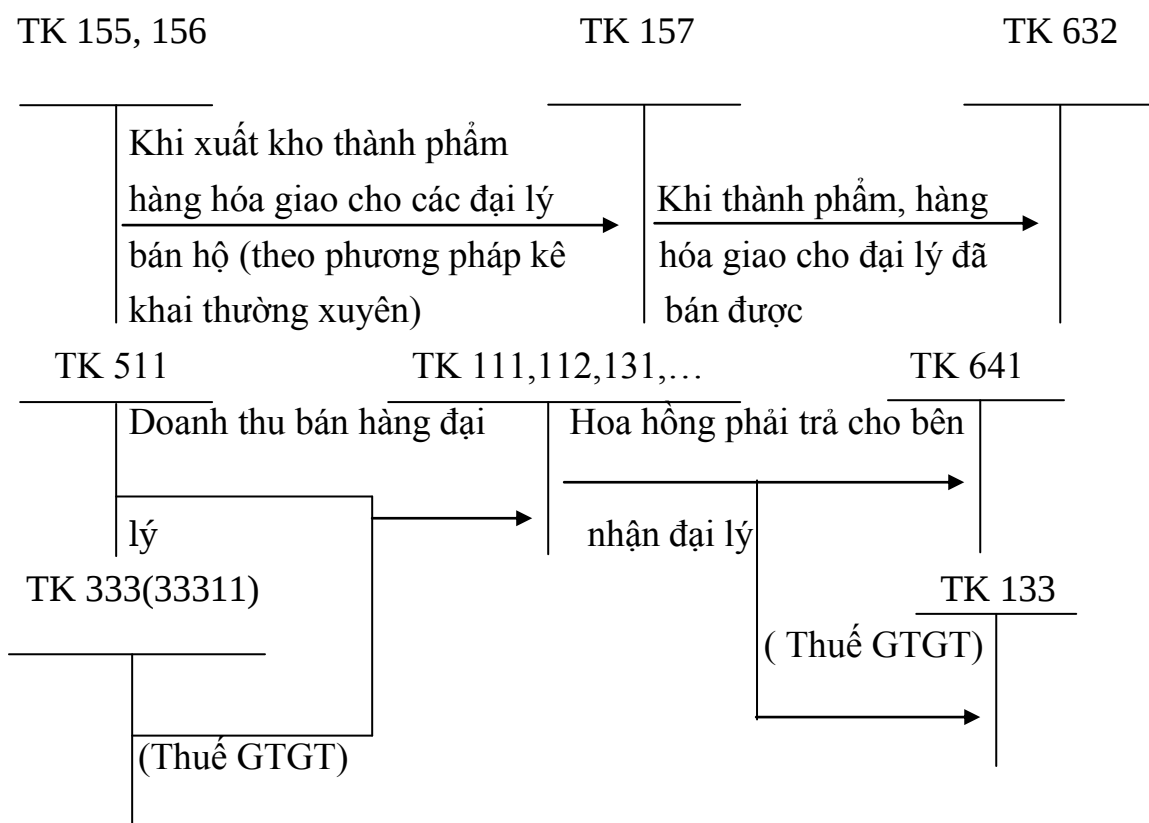
✕
TK 511,512 không có số dư cuối kỳ

*** Phương pháp hạch toán:**

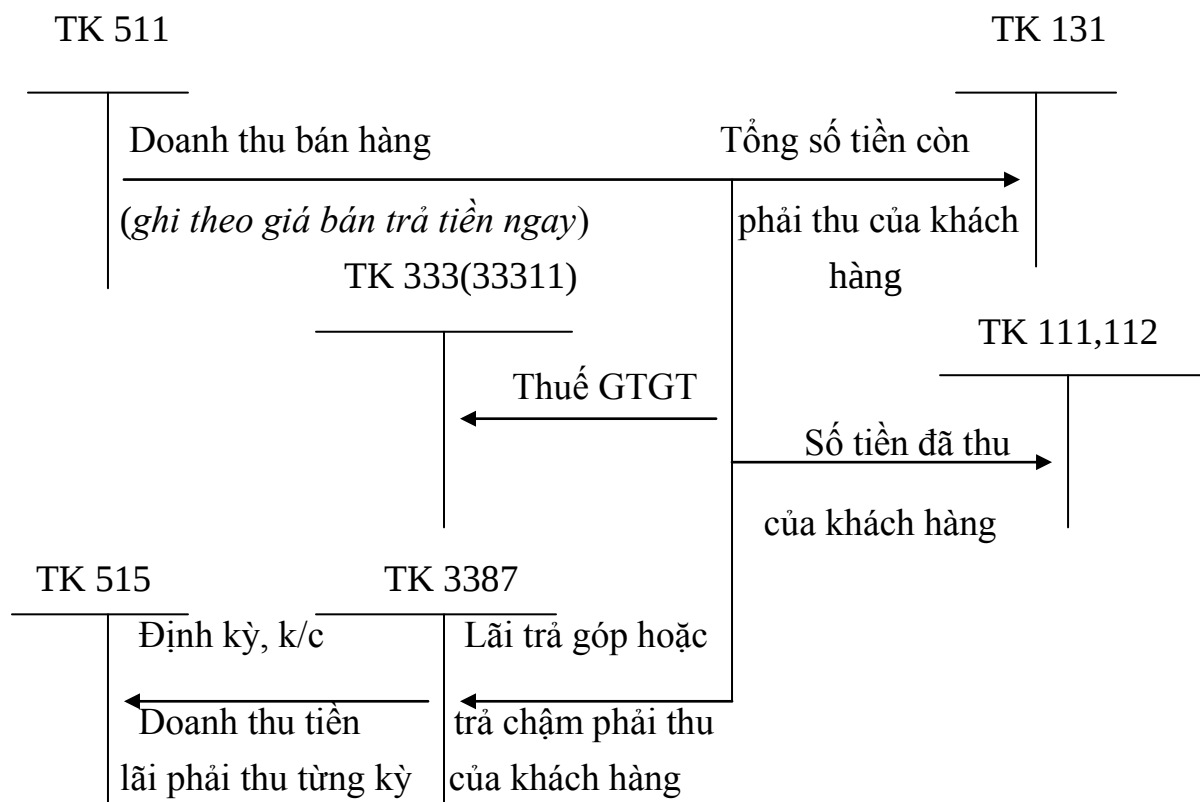
Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý



Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương pháp trả chậm (hoặc trả góp)



1.2.2- Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.2.1- Kế toán chiết khấu thương mại (CMTM).

Trường hợp người mua mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên “ Hóa đơn GTGT “ hoặc “ Hóa đơn bán hàng “ lần cuối cùng.

Trường hợp người mua mua hàng nhiều lần với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ CKTM.

- Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng TK 521 – Chiết khấu thương mại

TK 521 có 3 tài khoản cấp 2:

- + TK 5211 : Chiết khấu hàng hóa.
- + TK 5212 : Chiết khấu thành phẩm.
- + TK 5213 : Chiết khấu dịch vụ.

Kết cấu và nội dung phản ánh TK 521

Nợ	TK521	Có
- Khoản chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.		- Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK 551 và TK 512 để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán
Σ số phát sinh Nợ		Σ số phát sinh Có
✕		

TK 521 không có số dư cuối kỳ

1.2.2.2- Kế toán hàng hóa bán bị trả lại (HBBTL)

Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hợp đồng (nếu trả lại một phần hàng) và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

*** Tài khoản sử dụng:**

- Kế toán sử dụng TK 531 – Hàng bán bị trả lại.

Kết cấu và nội dung phản ánh TK 531:

Nợ	TK 531	Có
-Trị giá hàng bán trả lại.		- Kết chuyển toàn bộ doanh thu của số hàng bán bị trả lại vào bên Nợ TK 511 hoặc TK 512
Σ số phát sinh Nợ		Σ số phát sinh Có

TK 531 không có số dư cuối kỳ

1.2.2.3 – Kế toán giảm giá hàng bán (GGHB)

*** Tài khoản sử dụng:**

- Kế toán sử dụng TK 532 – giảm giá bán hàng.

Kết cấu và nội dung phản ánh TK 532:

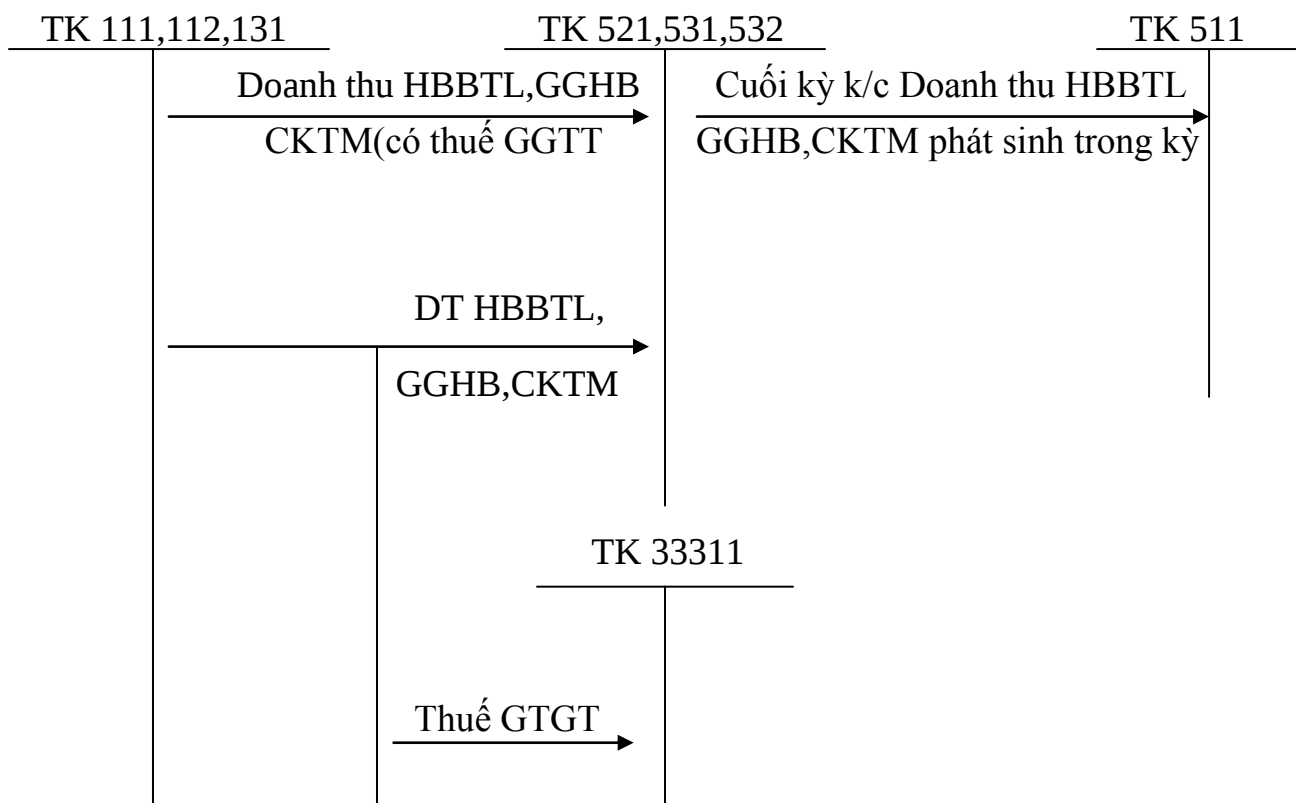
Nợ	TK 532	Có
- Các khoản giảm giá đã chấp thuận cho người mua hàng		- Kết chuyển toàn bộ số giảm giá hàng bán sang bên nợ TK 511 hoặc TK 512
Σ số phát sinh nợ		Σ Số phát sinh có

TK 532 Không có số dư cuối kỳ

- Chỉ phản ánh vào TK 532 các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá ngoài hóa đơn, tức là sau khi đã có hóa đơn bán hàng. Không phản ánh vào tài khoản này số giảm đã được ghi trên hóa đơn bán hàng và đã được trừ vào tổng giá trị bán hóa đơn.

1.2.2.4. Phương pháp hạch toán.

Sơ đồ 1.4: Hoạch toán các khoản giảm trừ doanh thu



1.2.2.5- Các khoản thuế làm giảm doanh thu.

- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp được tính:

$$\text{Số thuế GTGT Phải nộp} = \text{GTGT của hàng hóa, dịch vụ} \times \text{Thuế suất thuế GTGT (\%)}$$

$$\text{GTGT} = \text{Giá thanh toán của hàng hóa, Dịch vụ bán ra} - \text{Giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ mua vào tương ứng}$$

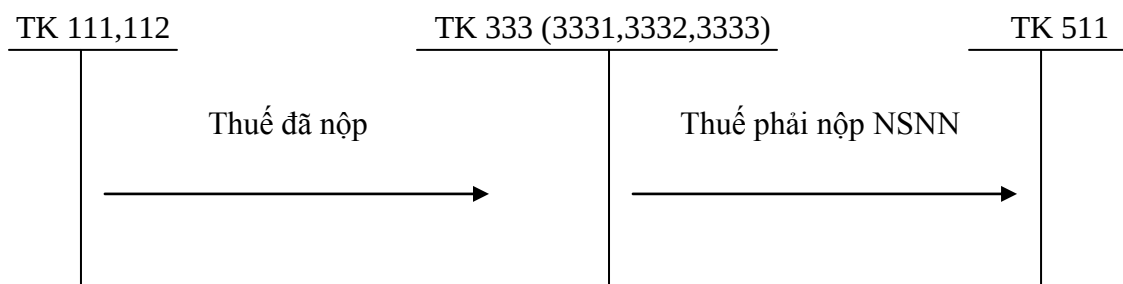
- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp doanh nghiệp tiêu thụ những mặt hàng thuộc danh mục vật tư, hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

Cách tính:

$$\text{Thuế TTĐB phải nộp} = \text{Giá tính thuế TTĐB} \times \text{Thuế suất.}$$

Thuế xuất khẩu: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu hàng hóa mà hàng hóa đó phải chịu thuế xuất khẩu.

Sơ đồ 1.5: Hạch toán các khoản thuế làm giảm doanh thu



1.2.3 Kế toán giá vốn bán hàng

1.2.3.1. Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

* Phương pháp bình quân gia quyền

Giá thực tế xuất kho = Số lượng xuất x Đơn giá thực tế bình quân

$$\text{Đơn giá thực tế bình quân} = \frac{\text{Giá trị hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng thực tế nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

Nếu mỗi lần nhập, xuất kế toán xác định lại đơn giá thực tế bình quân thì giá đó là giá thực tế bình quân gia quyền liên hoàn.

Nếu đến cuối kỳ kế toán mới xác định đơn giá thì đơn giá bình quân đó là đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ.

* Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này kế toán xác định đơn giá thực tế nhập kho của từng lần nhập và giả thiết rằng hàng nào nhập trước thì sẽ xuất trước. Như vậy, đơn giá xuất kho là đơn giá của mặt hàng nhập trước và giá tồn cuối kỳ là đơn giá của những lần nhập sau cùng.

* Phương pháp nhập sau – xuất trước (LIFO).

Theo phương pháp này kế toán theo dõi đơn giá của từng lần nhập và giả thiết hàng nào nhập sau sẽ xuất trước. Căn cứ vào số lượng xuất kho, kế toán tính giá xuất kho theo nguyên tắc trước hết lấy đơn giá của lần nhập sau cùng, số lượng còn lại tính theo đơn giá của lần nhập trước đó. Như vậy giá thực tế tồn cuối kỳ là giá của các lần nhập đầu tiên.

* Phương pháp thực tế đích danh.

Doanh nghiệp quản lý theo dõi vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa nhập theo từng lô hàng, từng mặt hàng một cách chi tiết. Khi xuất kho thì kế toán căn cứ vào đơn giá thực tế nhập và số lượng nhập của hàng hóa đó để tính giá thực tế xuất kho.

1.2.3.2- Chứng từ và tài khoản sử dụng

* Chứng từ kế toán sử dụng:

- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02-VT).
- Bảng tính và phân bổ: NVL – công cụ, dụng cụ.

Và các chứng từ, hóa đơn liên quan khác.

* Tài khoản sử dụng:

Giá vốn hàng bán là giá vốn thực tế xuất kho của số hàng hóa (gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa (HH) đã bán ra trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế sản phẩm (SP), lao vụ, dịch vụ (DV) hoàn thành (đối với doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ) đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Kế toán sử dụng TK 632 – Giá vốn hàng bán.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 632 có sự khác nhau giữa hai phương pháp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ:

*** Theo phương pháp kê khai thường xuyên**

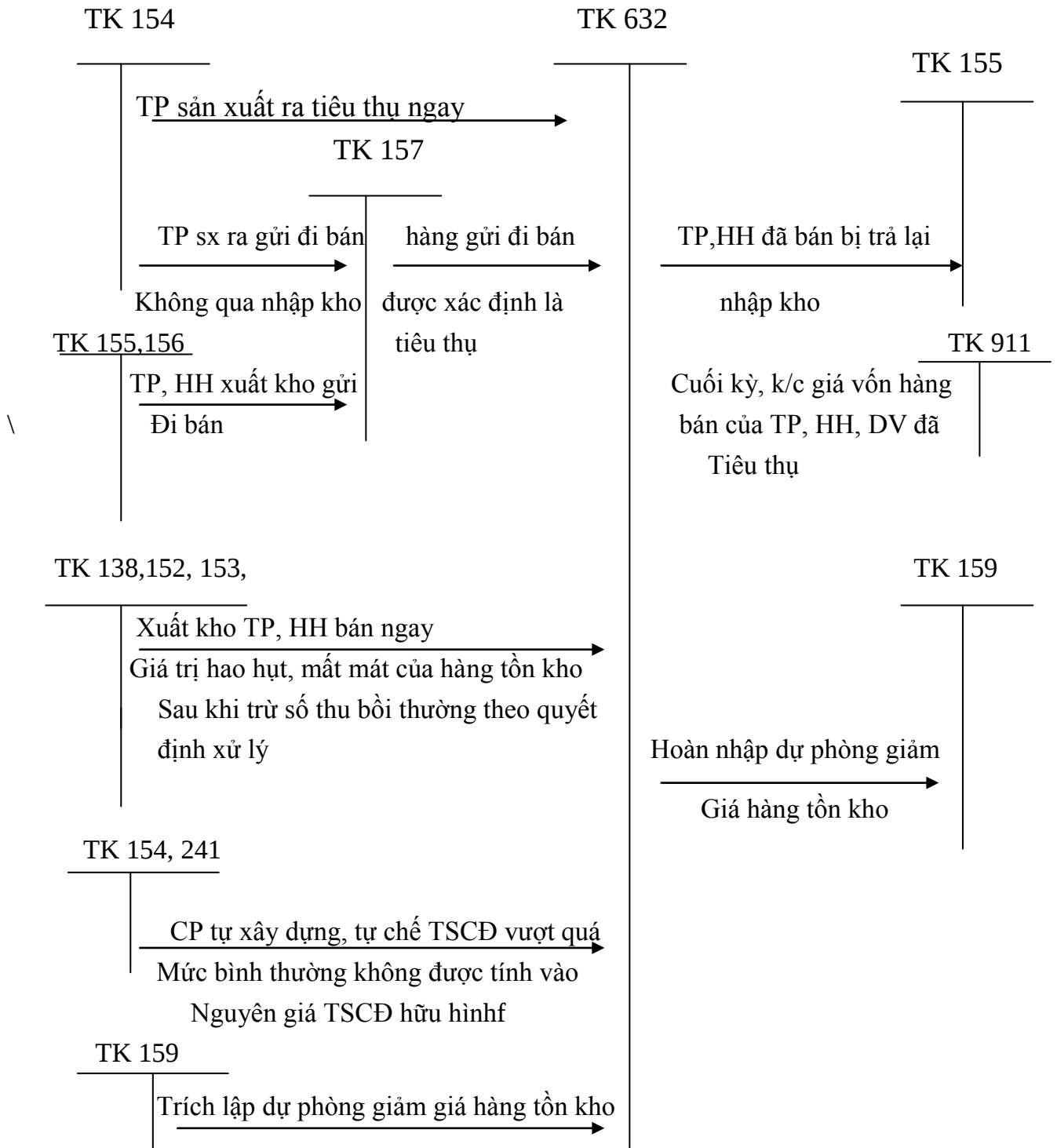
Nợ	TK 632	Có
- Phản ánh giá vốn của SP, HH, DV đã tiêu thụ trong kỳ. - Phản ánh CPNVL, CP nhân công vượt trên mức bình thường và CPSXC cố định không phân bổ không được tính vào giá trị giá hàng tồn kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán. - Phản ánh khoản hao hụt mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Phản ánh chi phí tự xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐHH tự xây dựng, tự chế hoàn thành - Phản ánh khoản chênh lệch giữa số Dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải nhập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng năm trước.		- Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm hành chính. - Giá vốn của hàng bán bị trả lại - K/c giá vốn của SP, HH, DV đã tiêu thụ trong kỳ sang TK 911 – xác định kết quả kinh doanh.
Σ Số phát sinh nợ		Σ Số phát sinh Có



TK 632 không có số dư cuối kỳ

* Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.6: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KCTX



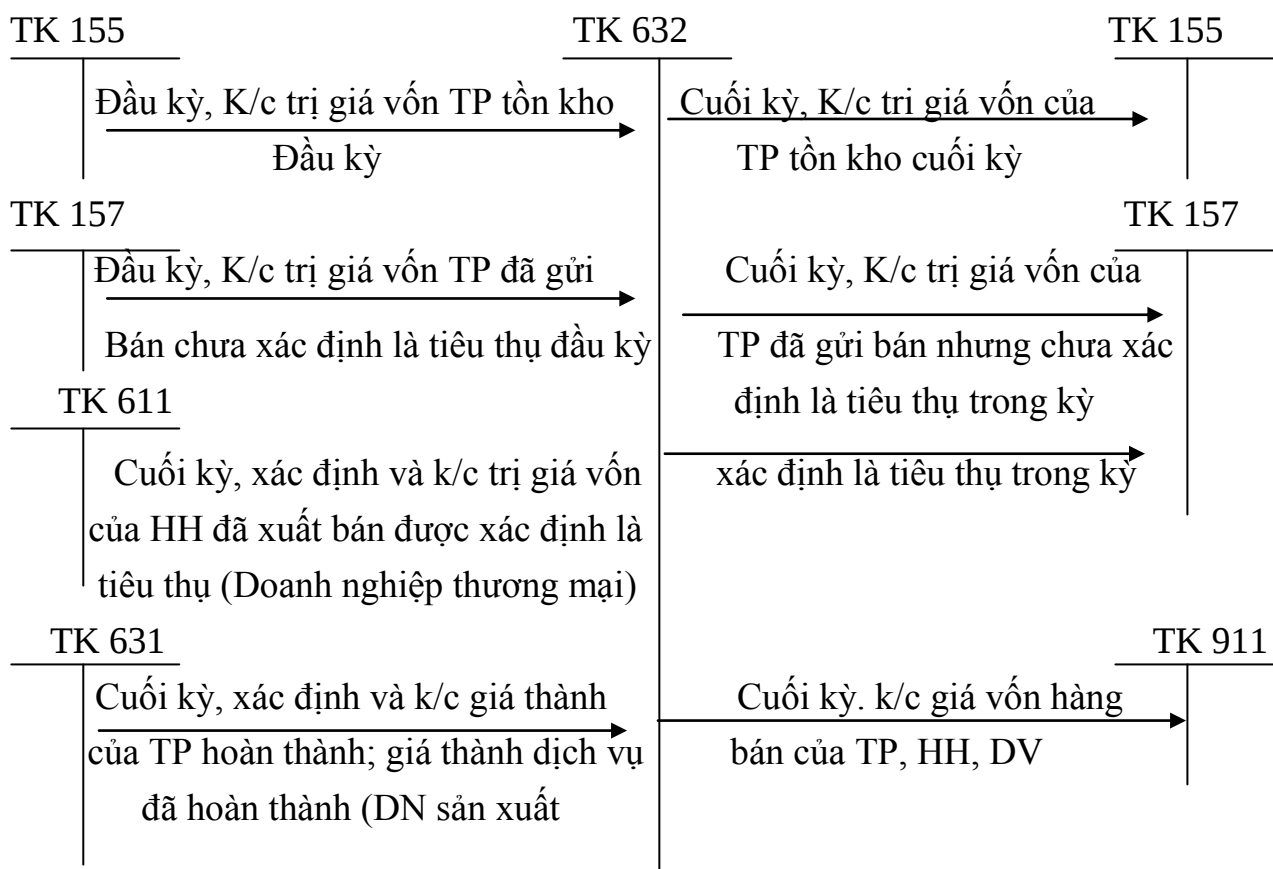
*** Theo phương pháp kiểm kê định kỳ:**

Nợ	TK 632	Có
- Trị giá vốn thành phẩm (TP) tồn kho đầu kỳ.	- K/c trị giá vốn TP tồn kho cuối kỳ vào bên nợ TK 155	
- Trị giá vốn hàng gửi bán chưa xác định tiêu thụ đầu kỳ	- K/c trị giá vốn hàng gửi bán chưa xác định tiêu thụ cuối kỳ vào bên Nợ TK 157	
- Tổng giá thành thực tế TP, lao vụ, DV đã hoàn thành.	- K/c giá vốn HH,TP,DV đã xuất bán sang TK 911 – xác định KQKD.	
Σ Số phát sinh nợ	Σ Số phát sinh Có	

TK 632 không số sổ dư cuối kỳ

*** Phương pháp hạch toán.**

Sơ đồ 1.7: hạch toán giá vốn bán hàng bán theo phương pháp KKĐK.



1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.2.4.1. Kế toán chi phí bán hàng (CPHH)

* Chứng từ kế toán sử dụng

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11 – LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06-TSCĐ)
- Bảng phân bổ NVL – công cụ, dụng cụ (Mẫu số 07 – VT)
- các chứng từ gốc có liên quan

* Tài khoản sử dụng:

Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bao gồm: chi phí bảo quản, chi phí quảng cáo, đóng gói, vận chuyển, giao hàng, hoa hồng bán hàng, bảo hành sản phẩm,...

- TK 641 – Chi phí bán hàng. TK 641 có 7 TK cấp 2 như sau:

- + TK 6411: chi phí nhân viên.
- + TK 6412: chi phí vật liệu bao bì
- + TK 6413: chi dụng cụ, đồ dùng
- + TK 6414: chi phí khấu hao TSCĐ.
- + TK 6415: chi phí bảo hành
- + TK 6417: chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6418: chi phí bằng tiền khác
- Kết cấu và nội dung phản ánh TK 641

Nợ	TK 641	Có
- Tập hợp chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ.		- Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng (nếu có) - K/c chi phí bán hàng trong kỳ vào bên Nợ TK 911
Σ Số phát sinh nợ		Σ Số phát sinh Có

~~TK 641 không có dư cuối kỳ~~

1.2.4.2 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp (CPQLDN)

* Chứng từ kế toán sử dụng:

- Căn cứ vào các bảng phân bổ tiền lương, bảng phân bổ vật liệu và CC-DC, bảng phân bổ khấu hao TSCĐ).
- Các chứng từ gốc có liên quan

* Tài khoản kế toán sử dụng:

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung

của toàn doanh nghiệp, bao gồm: chi phí hành chính, tổ chức văn phòng, các chi phí chung khác liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

- TK 642 – chi phí quản lý doanh nghiệp. TK 642 có 8 TK cấp 2 như sau:

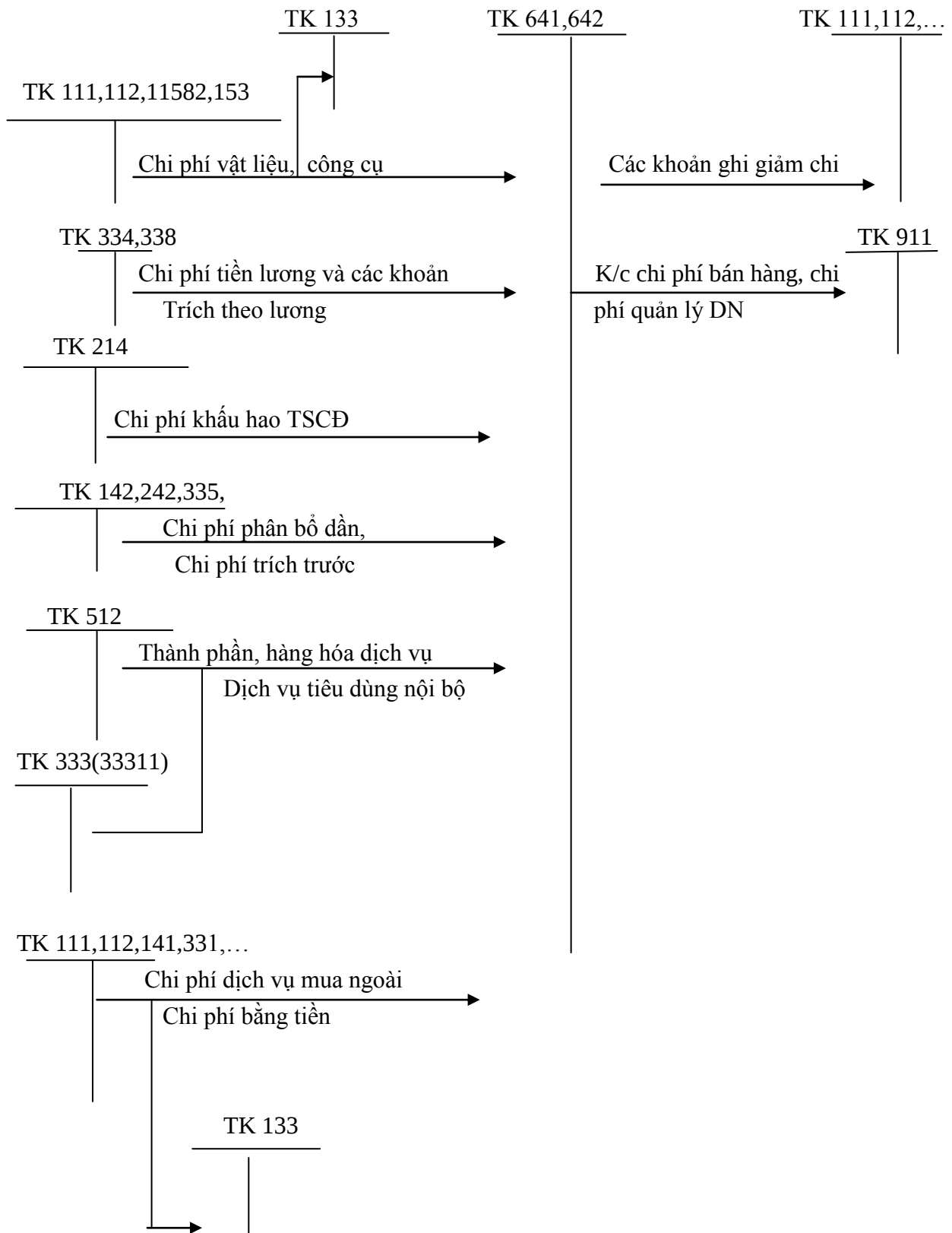
- + TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- + TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- + TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- + TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- + TK 6426: Chi phí dự phòng
- + TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6428: Chi phí bằng tiền khác
- Kết cấu và nội dung phản ánh TK 642:

Nợ	TK 642	Có
-Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ		- Các khoản được phép ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp - K/c chi phí QLDN sang bên nợ TK 911
Σ Số phát sinh nợ		Σ Số phát sinh Có

~~TK 642 không có số dư cuối kỳ~~

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý DN.

Sơ đồ 1.8: hạch toán chi phí bán hàng. Chi phí QLDN



1.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

*** TK Kế toán sử dụng.**

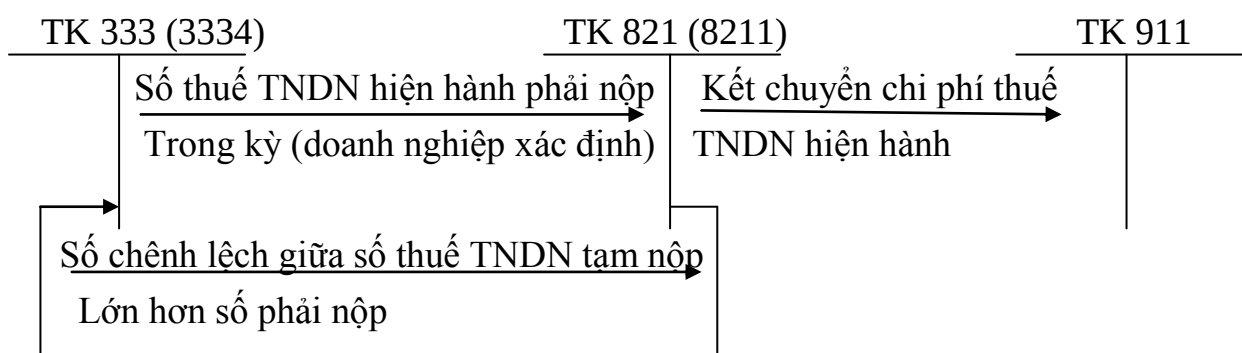
- TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. TK 8/21 bao gồm:
- + TK 8211: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
- + TK 8212: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Nợ	TK 821	Có
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm được - Thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung - Ghi nhận chi phí thuế TNDN HL - K/c chênh lệch giữa số phát sinh bên Có > hơn bên Nợ TK8212 phát sinh trong năm vào bên Có TK911 .		- Số thuế TNDM phải nộp trong năm - Số thuế TNDM phải nộp được ghi giảm do phát hiện các sai sót của các năm trước. - Ghi nhận chi phí thuế TNDN HL và ghi nhận tài sản thuế TNHL - K/c số chênh lệch giữa số phát sinh của bên nợ > bên có TK 8212 phát sinh trong năm vào bên nợ TK 911
Σ Số phát sinh nợ		Σ Số phát sinh Có

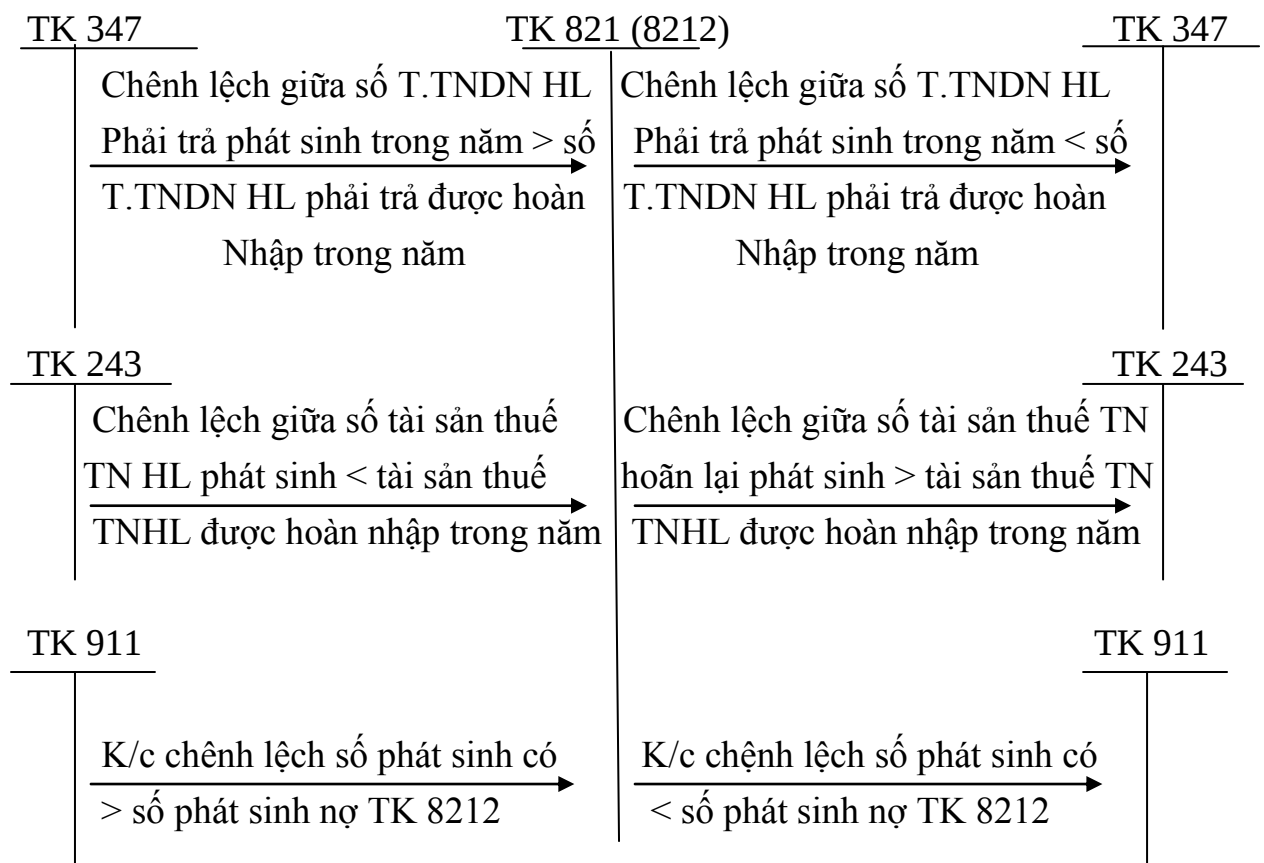
~~TK 821 không có số dư cuối kỳ~~

*** Phương pháp hạch toán**

- **Sơ đồ 1.9.1: Hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.**



Sơ đồ 1.9.2: Hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (TNDN HL)



1.2.6. Kế toán kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh (bán hàng) →

Tài khoản kế toán sử dụng

Kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh là số chênh lệch giữa thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

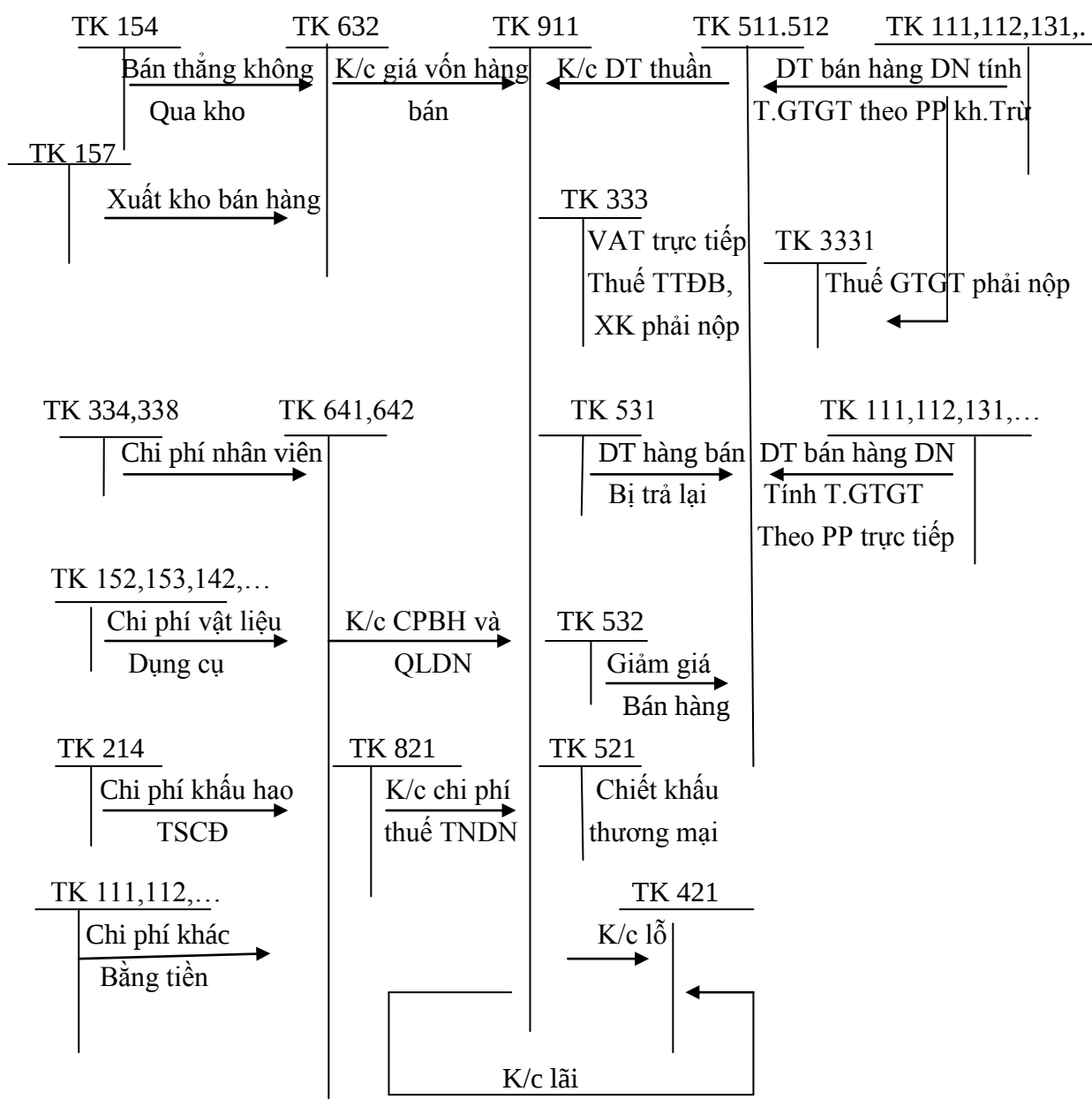
- Kế toán sử dụng TK 911 – xác định kết quả kinh doanh.

Kết cấu và nội dung phản ánh TK 911:

Nợ	TK 911	Có
- Trị giá vốn SP,HH, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ - Chi phí bán hàng và chi phí QLDN - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác. - K/c lãi sau thuế.		- Doanh thu thuần về số SP.HH. lao vụ, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ. - Doanh thu hoạt động tài chính. - Thu nhập khác. - K/c lỗ
Σ Số phát sinh nợ		Σ Số phát sinh Có

TK 911 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.10: hạch toán kết quả hoạt động sản xuất – Kinh doanh (bán hàng)



1.3.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Tiền lãi; Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản; cổ tức, lợi nhuận được chia; thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng; Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;

Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ; Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn,...

*** Tài khoản sử dụng:**

- Kế toán sử dụng TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.

Kết cấu TK 515:

Nợ	TK 515	Có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)		- Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.
- K/c doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911		
Σ Số phát sinh nợ		Σ Số phát sinh Có

TK 515 không có số dư cuối kỳ

1.3.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán,...; khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ,...

*** Tài khoản sử dụng:**

- Kế toán sử dụng TK 635 – chi phí tài chính.

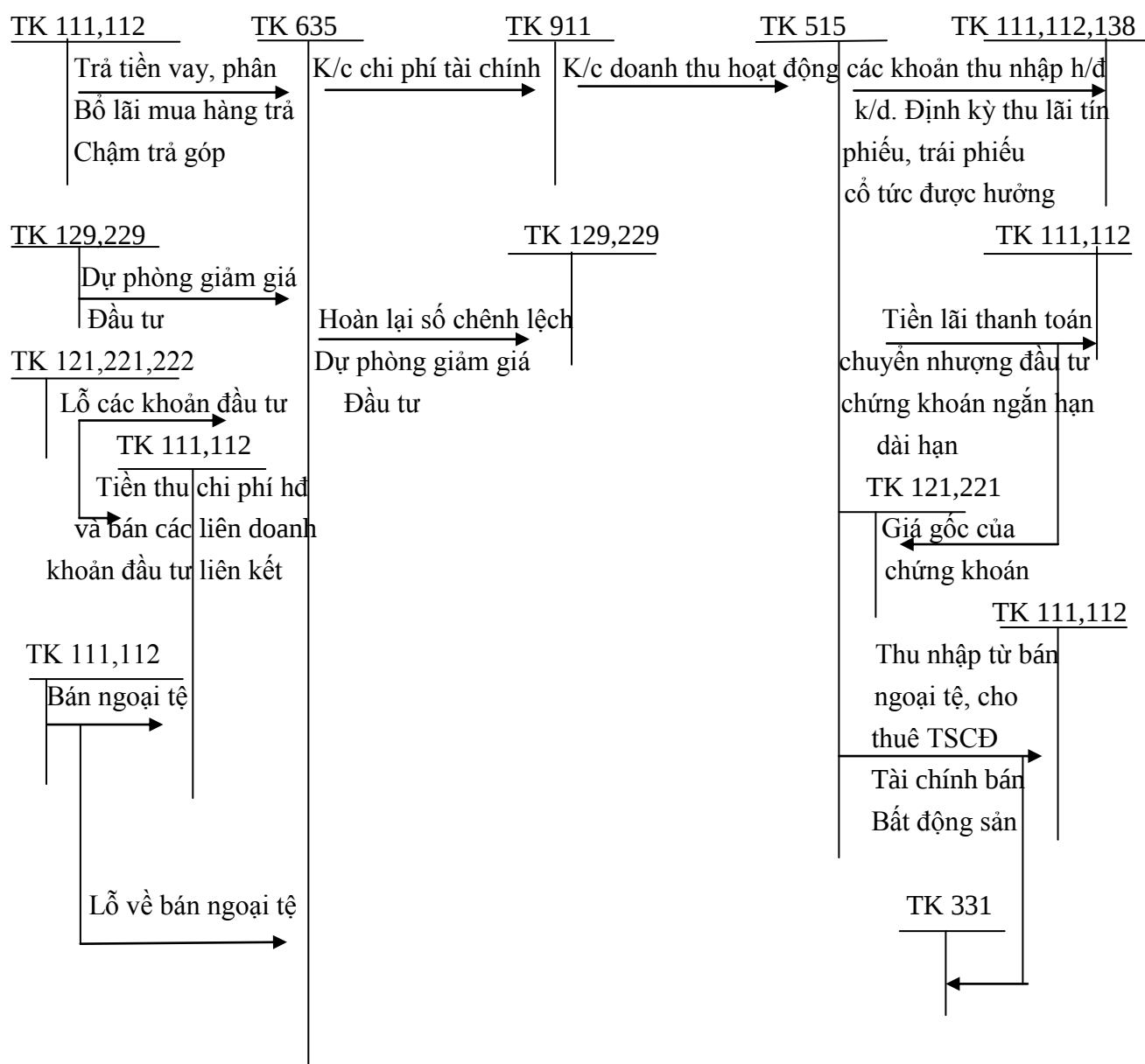
Kết cấu và nội dung TK 635:

Nợ	TK 635	Có
- Tập hợp toàn bộ các khoản chi phí thuộc hoạt động tài chính thực tế phát sinh trong kỳ, các khoản lỗ thuộc hoạt động tài chính và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, chi phí đất chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng được xác định là tiêu thụ.		- Hoàn nhập dự phòng giá đầu tư chứng khoán. - Cuối kỳ, K/c toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
Σ Số phát sinh nợ		Σ Số phát sinh Có

TK 635 không có số dư cuối kỳ

1.3.3. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.11: hạch toán doanh thu hoạt động tài chính, chi hoạt động tài chính



1.4. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động khác

1.4.1 Kế toán thu nhập khác

Thu nhập khác của doanh nghiệp gồm: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; Các khoản thuế được NSNN hoàn lại; Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ; Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ HH, SP, DV không tính trong doanh

thu(nếu có); Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của tổ chức, cá nhân tặng cho DN; Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản trên.

Kế toán sử dụng TK 711 – Thu nhập khác.

Kết cấu TK 711 như sau:

Nợ	TK 711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác (nếu có) (ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp)		- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ
- Cuối kỳ, K/c các khoản thu nhập khác trong kỳ sang TK 911		
Σ Số phát sinh nợ		Σ Số phát sinh Có

TK 711 không có số dư cuối kỳ

1.4.2. Kế toán chi phí khác

Chi phí khác: là những khoản chi phí của hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của DN, những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của DN gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước. Chi phí khác phát sinh bao gồm: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, Nhượng bán TSCĐ (nếu Có): Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.

Khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán. Chi phí khác

* Tài khoản sử dụng:

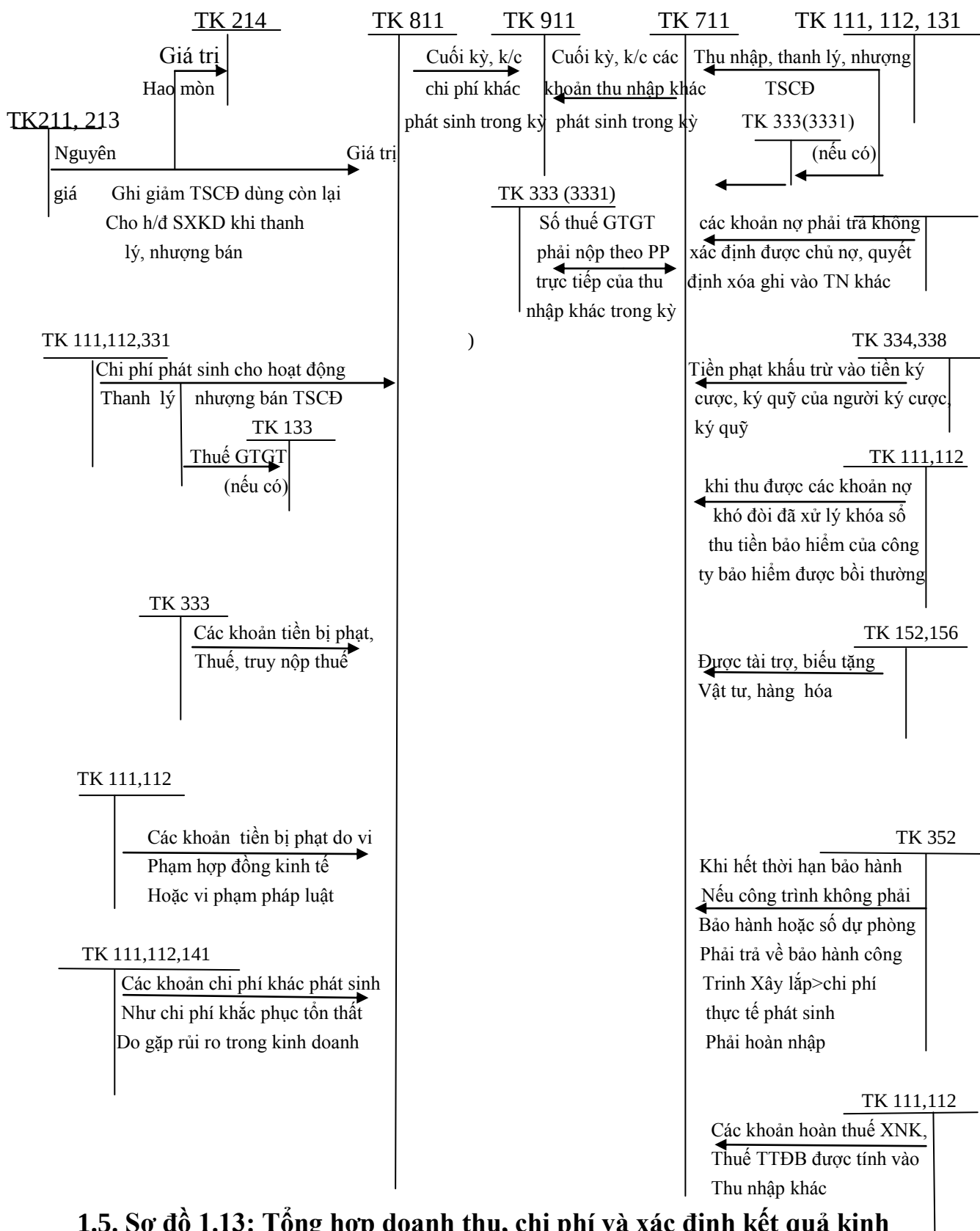
Kế toán sử dụng TK 811 – Chi phí khác. Kết cấu TK 811 như sau:

Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh		- Cuối kỳ toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911
Σ Số phát sinh		Σ Số phát sinh Có

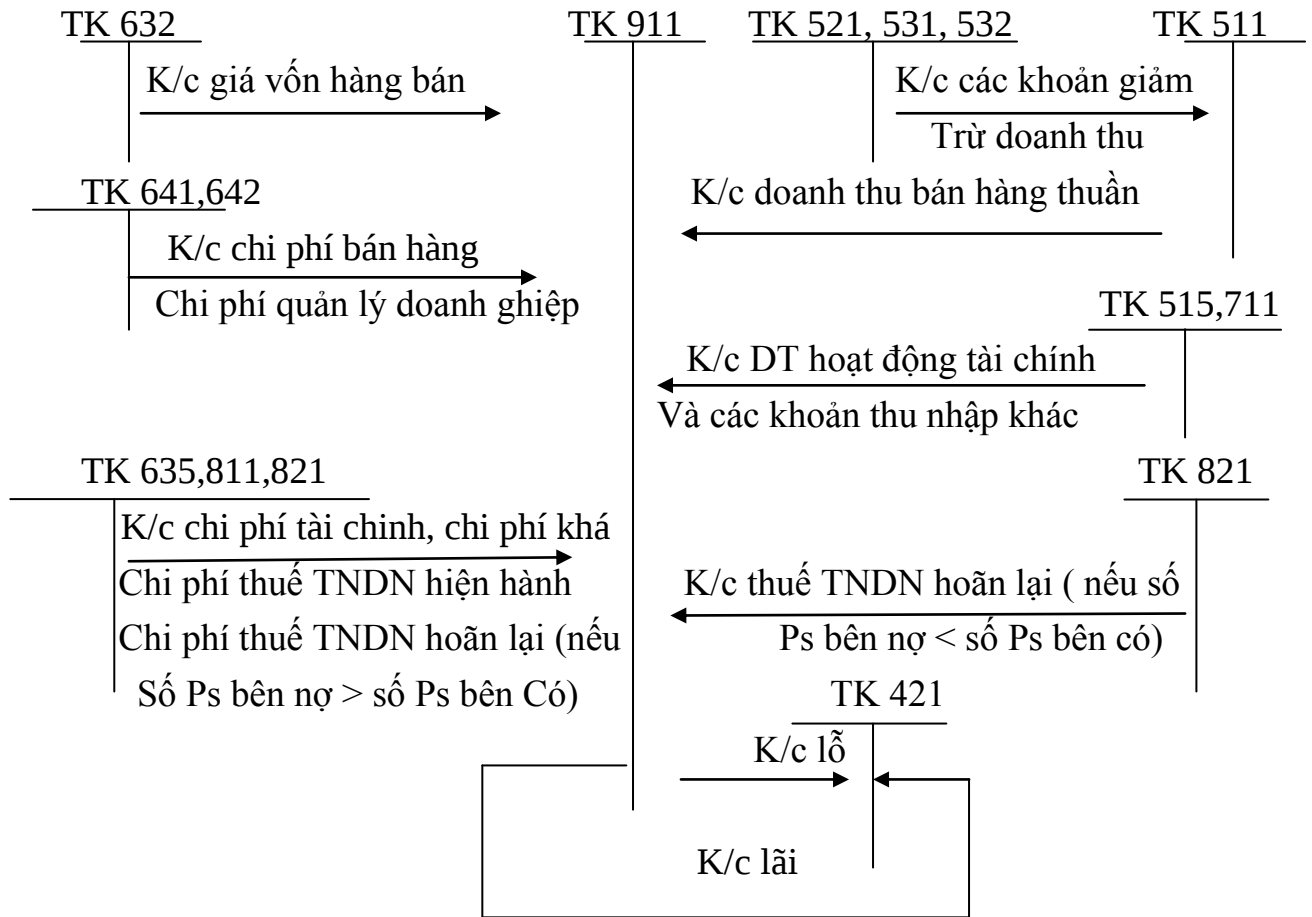
TK 811 không có số dư cuối kỳ

1.4.3. Phương pháp hạch toán.

Sơ đồ 1.12: Hạch toán thu nhập khác, chi phí khác



1.5. Sơ đồ 1.13: Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn DN



1.6. Sổ sách kế toán sử dụng phản ánh doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán.

Để ghi chép, hệ thống hóa thông tin kế toán, doanh nghiệp phải sử dụng 1 hình thức nhất định, phù hợp với đặc điểm, quy mô hoạt động SXKD của doanh nghiệp và trình độ của đội ngũ cán bộ kế toán hiện có.

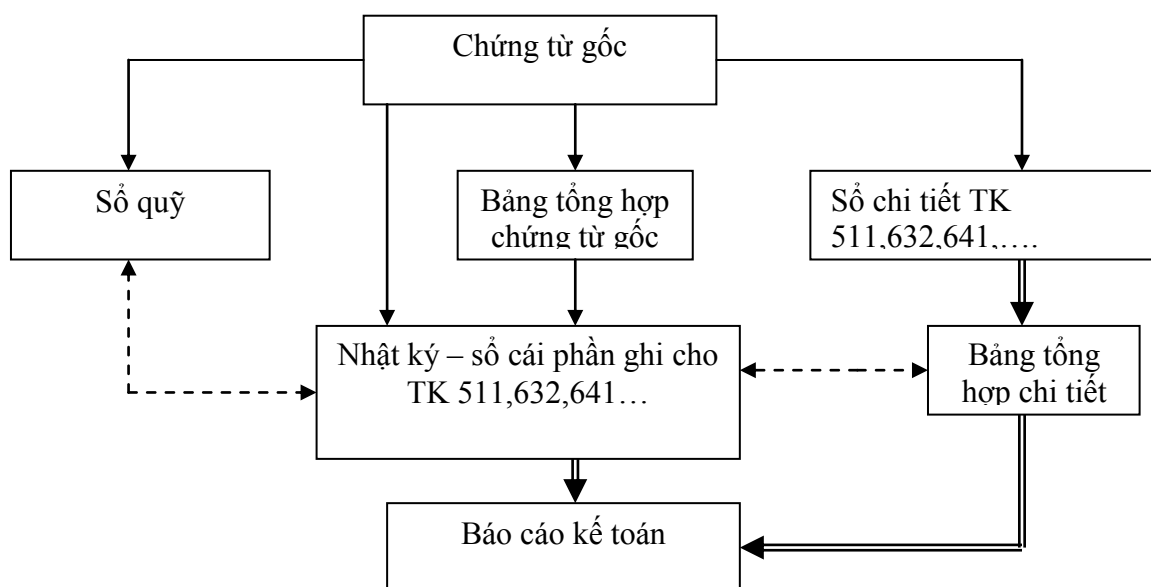
Hiện nay, các hình thức sổ sách được áp dụng là: Nhật ký – sổ cái, Nhật ký chung, nhật ký chứng từ, chứng từ ghi sổ, kế toán trên máy vi tính.

1.6.1. Hình thức Nhật ký – sổ cái

- Đặc điểm: Sử dụng Sổ nhật ký sổ cái làm sổ tổng hợp để ghi chép tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thứ tự thời gian và theo hệ thống trên cùng một trang sổ.

- Ưu điểm: Sử dụng các loại sổ có kết cấu đơn giản, dễ kiểm tra, đối chiếu.

- Nhược điểm: Khó phân công công việc.

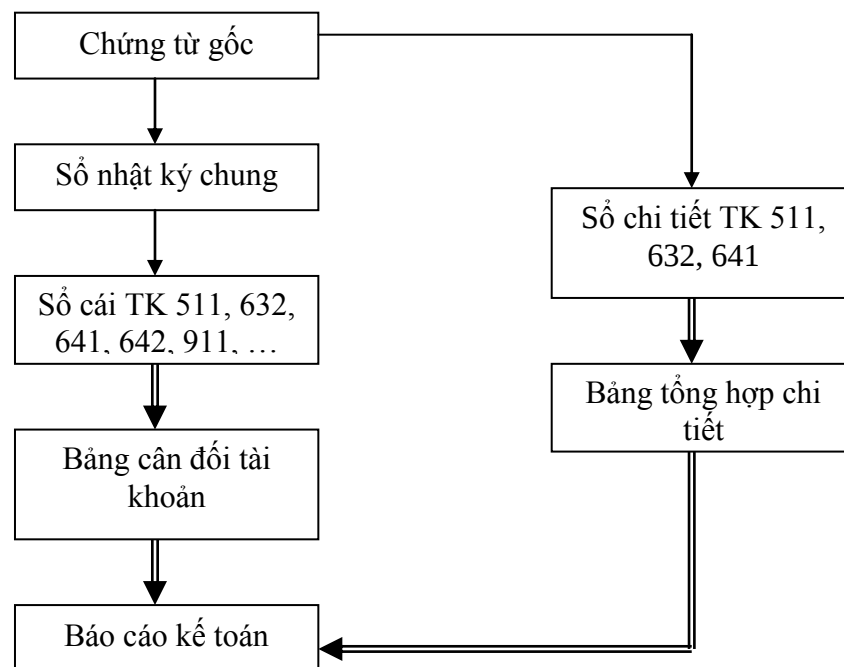


Sơ đồ 1.14: Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

*** Ghi chú:** $\longrightarrow$: Ghi hàng ngày (định kỳ)
 $\Longrightarrow$: Ghi vào cuối tháng (hoặc định kỳ)
 $\longleftrightarrow$: Đối chiếu, kiểm tra

1.6.2. Hình thức Nhật ký chung

- Đặc điểm: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi theo thứ tự thời gian, theo quan hệ đối ứng của các TK vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các TK có liên quan.
- Ưu điểm: Mẫu số đơn giản, dễ ghi chép. Thuận tiện cho việc phân công việc.
- Nhược điểm: Việc ghi chép bị trùng lặp nhiều.



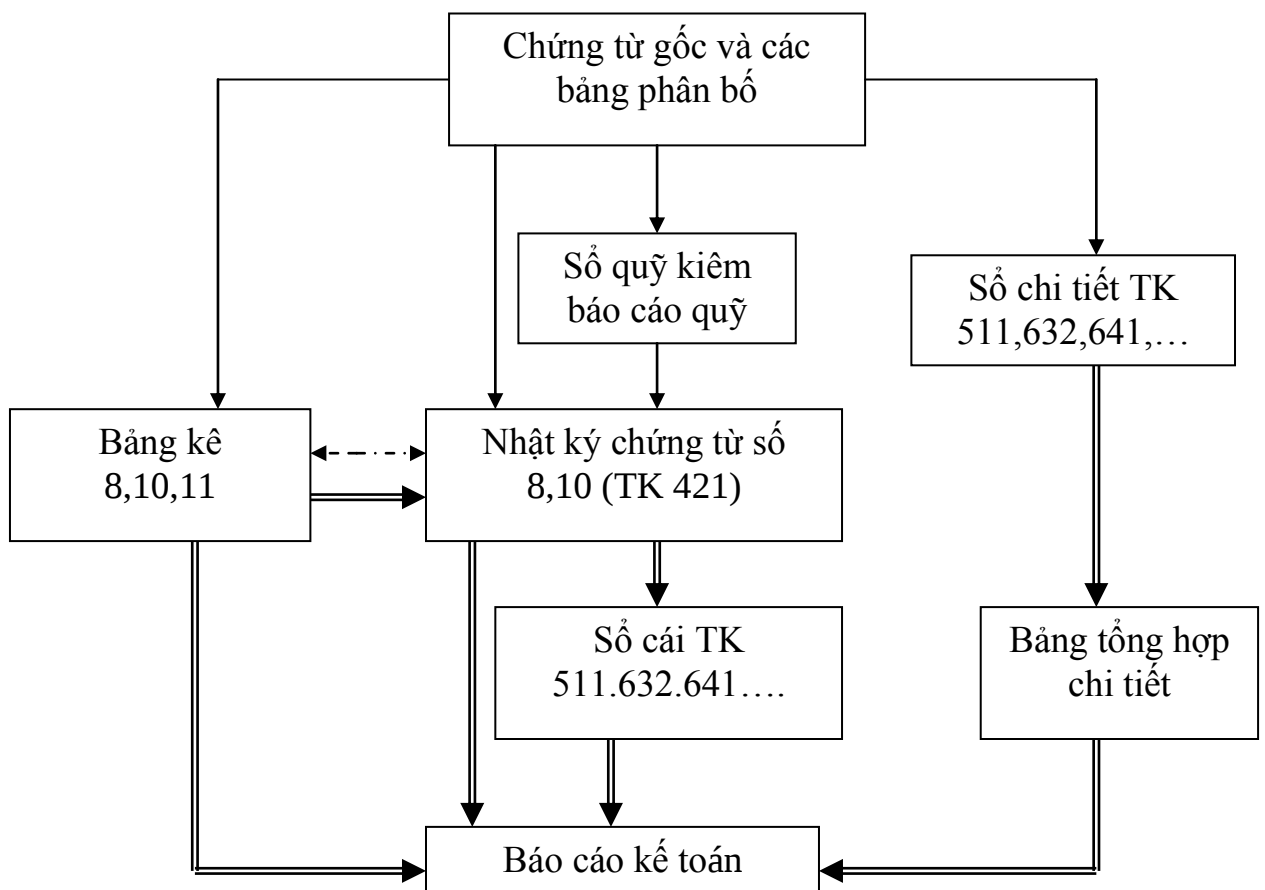
Sơ đồ 1.15: Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký chung

1.6.3. Hình thức nhật ký chứng từ

- Đặc điểm: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phân loại và ghi vào bảng kê và nhật ký chứng từ, cuối tháng tổng hợp số liệu từ nhật ký chứng từ để ghi vào sổ cái tài khoản.

- Ưu điểm: tập hợp số liệu vào các chứng từ, sổ theo quan hệ đối ứng của các tài khoản nên giảm nhẹ thao tác ghi chép, dễ đối chiếu, kiểm tra.

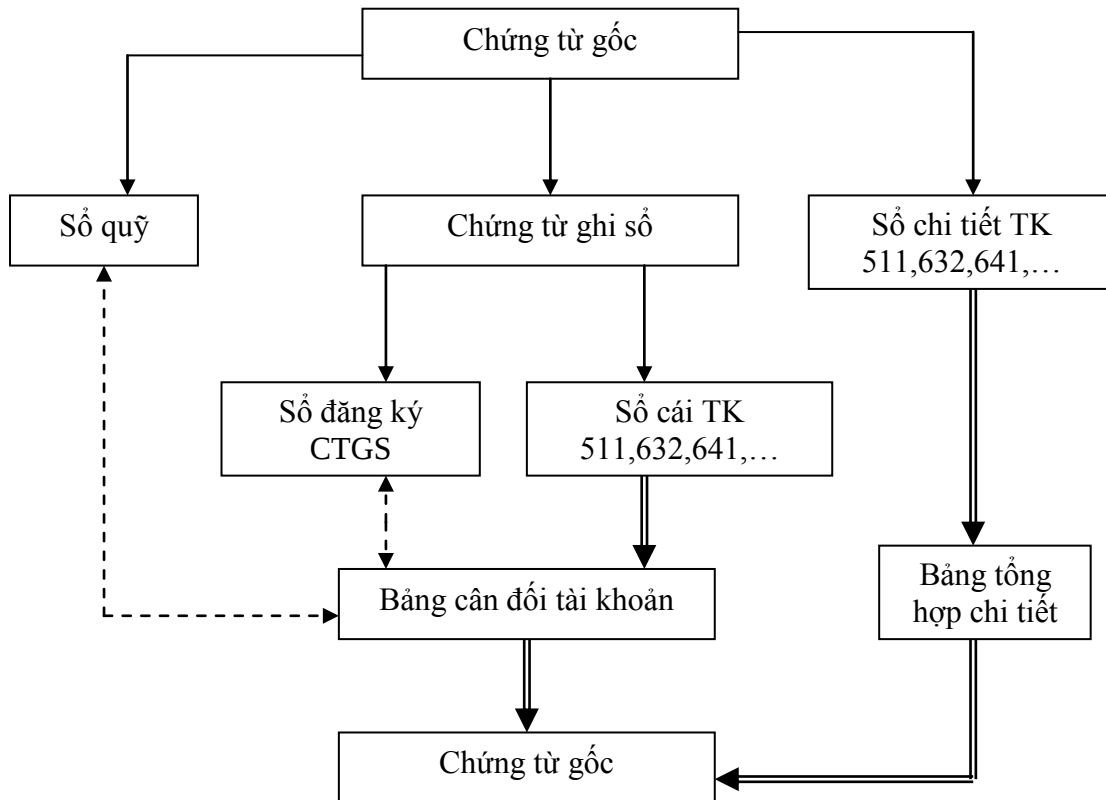
- Nhược điểm: Mẫu sổ phức tạp đòi hỏi nhân viên kế toán phải có chuyên môn vững vàng, không thuận tiện cho việc tin học hóa công tác kế toán.



Sơ đồ 1.16: Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký chứng từ.

1.6.4. Hình thức Chứng từ ghi sổ.

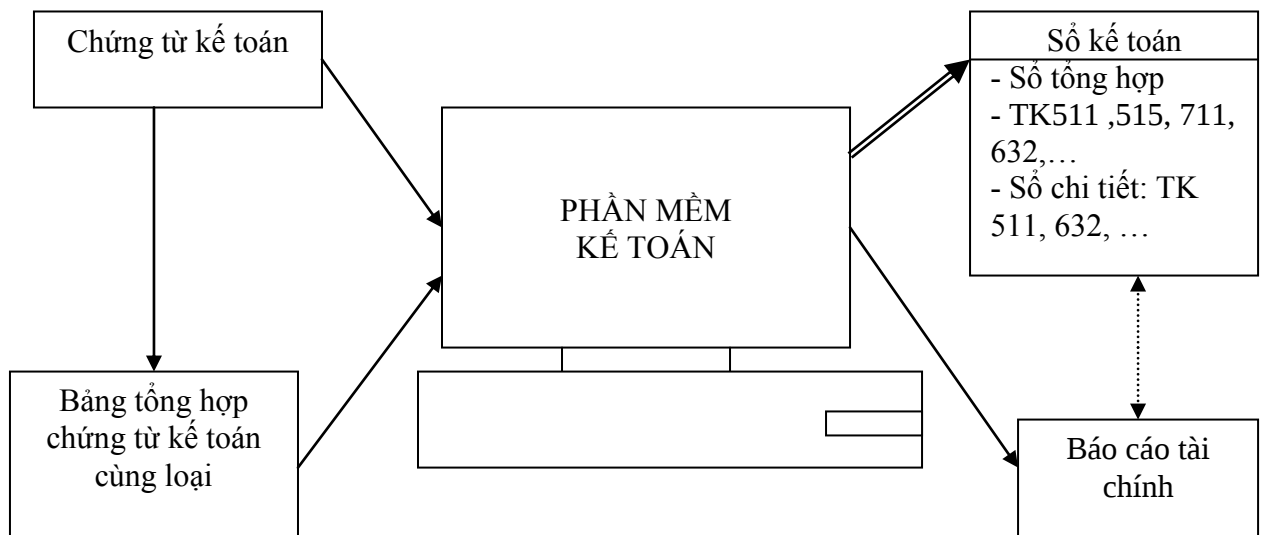
- Đặc điểm: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phân loại tổng hợp để lập Chứng từ ghi sổ, căn cứ vào chứng từ ghi sổ ghi vào sổ cái tài khoản.
- Ưu điểm: Kết cấu mẫu số đơn giản, dễ ghi chép, dễ đối chiếu số liệu.
- Nhược điểm: ghi chép còn trùng lặp. khối lượng ghi chép nhiều.



Sơ đồ 1.17: Trình tự hạch toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.

1.6.5. Hình thức kế toán trên máy tính

Đặc trưng cơ bản của kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán trên máy vi tính được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán theo quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiện đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán. Nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và báo các tài chính theo quy định.



Sơ đồ 1.18: Trình tự kế toán theo hình thức trên máy vi tính

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VĨNH SINH

2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh

2.1.1. Thông tin chung về Công ty TNHH Vĩnh Sinh

- Tên giao dịch: Công ty TNHH Vĩnh Sinh
- Trụ sở chính công ty: 160 Đình Đông – Lê Chân – Hải Phòng
- Văn phòng tại Hà Nội: Địa chỉ: P307 – 18T2 Lê Văn Lương, Thanh Xuân, Hà Nội
- Quốc gia đăng ký: Việt Nam
- Hình thức của công ty: Công ty trách nhiệm hữu hạn, thuộc loại vừa và nhỏ.
- Vốn chủ sở hữu: 4,000,000,000 VNĐ
- Số lượng nhân viên : 13-20 người
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc Đạt – Giám đốc
- Giấy đăng ký kinh doanh số : 0200436160

2.1.2. Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh.

Công ty TNHH Vĩnh Sinh được thành lập theo Quyết định số 0202000328 ngày 05/07/2001 của Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng có ngành nghề kinh doanh chính sau đây:

- Kinh doanh, đại lý thiết bị vật tư công nghiệp và dân dụng.
- Sửa chữa, lắp ráp, gia công, chế tạo vật tư, thiết bị công nghiệp.
- Tư vấn, thiết kế, lắp đặt, bảo trì, sửa chữa, kinh doanh thiết bị phòng cháy chữa cháy và thiết bị bảo vệ.
- Dịch vụ xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, hàng hóa.
- Thi công các công trình công nghiệp và dân dụng.

2.1.3. Đặc điểm doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh.

- Với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu là thương mại nên doanh thu chủ yếu của Công ty là các khoản thu được từ hoạt động mua bán các loại xe trộn bê tông, ô tô trộn bê tông, van thiết bị công nghiệp, van tàu thủy nhập khẩu từ Hàn Quốc và Trung Quốc, gia công lắp đặt trạm trộn bê tông công suất 60m³-100m³/h.

- Doanh thu hoạt động tài chính tại công ty là khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

- Chi phí SXKD của Công ty bao gồm các khoản chi phí sau:

+ Chi phí giá vốn của Công ty chính bằng toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh của các công trình gia công lắp đặt trạm trộn bê tông hay giá thực tế của các mặt hàng thương mại.

+ Chi phí bán hàng của Công ty gồm có chi phí chào hàng, dự thầu, phí bảo lãnh, chi phí bảo hành...

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm chi phí lương nhân viên, chi phí hành chính, văn phòng và các chi phí bằng tiền khác.

+ Chi phí tài chính của Công ty là khoản lãi vay ngân hàng.

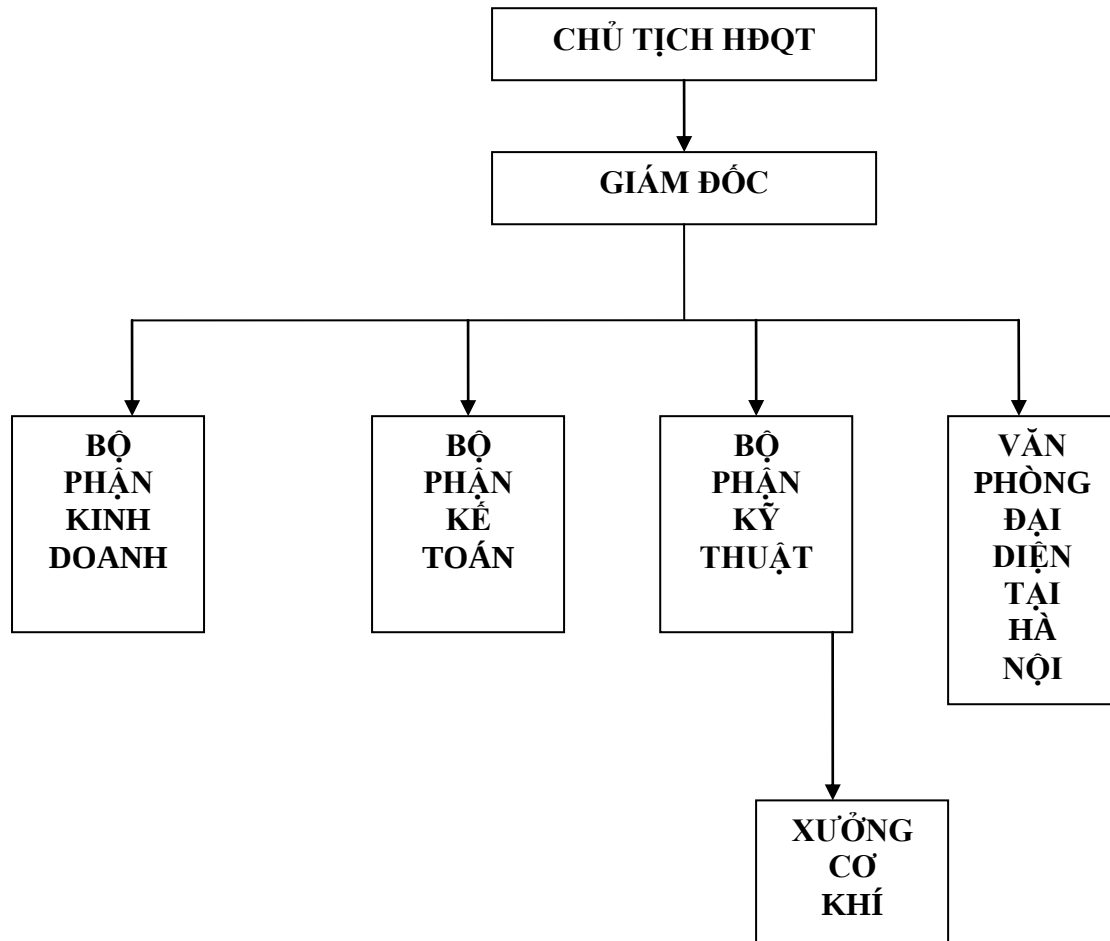
- Kết quả kinh doanh của Công ty được xác định vào cuối mỗi quý. Đó chính là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

2.1.4. Kỳ hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12, được chia thành 4 kỳ hạch toán.

- Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty được hạch toán theo quý.

2.1.5. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh



Sơ đồ 2.1.5. Bộ máy quản lý của Công ty

Chủ tịch HĐQT công ty : người có quyền hạn cao nhất, cố vấn, tham mưu cho Giám đốc.

Giám đốc công ty: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, nộp thuế cho nhà nước và đảm bảo các quyền lợi cho cán bộ công nhân viên. Giám đốc là người trực tiếp ký các hợp đồng với các cơ quan, đối tác, khách hàng về việc cung cấp, mua bán, hỗ trợ, tiếp nhận...là đại diện pháp lý của công ty. Đồng thời xây dựng hệ thống nhân sự đáp ứng được nhu cầu và khả năng sản xuất của công ty theo từng thời kỳ.

Bộ phận kỹ thuật: 2 người

- Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, tổ chức điều hành, sản xuất.
- Quản lý công nghệ.

- Quản lý kỹ thuật an toàn.
- Quản lý sáng kiến kỹ thuật, công tác thiết kế bản vẽ.
- Xây dựng và quản lý các định mức tiêu hao vật tư sao cho vừa giảm tỷ lệ phế phẩm vừa giữ được tối đa năng lực hiện có.

Xưởng cơ khí: 2 người, tùy từng thời điểm thuê thêm nhân công.

- Sản xuất theo kế hoạch được giao, đảm bảo đúng số lượng, chất lượng và thời gian, phân công công việc.
- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất được giao, cân đối thiết bị, nguyên vật liệu, khuôn mẫu, bản vẽ. Đảm bảo máy móc thiết bị để phát huy hết công suất tạo ra nhiều sản phẩm có uy tín chất lượng tốt.
- Báo cáo cấp trên khi có vấn đề xảy ra trong quá trình sản xuất và tiến độ thực hiện công việc hàng ngày.

Bộ phận kinh doanh: 2 người.

- Phân tích, nghiên cứu nhu cầu thị trường, từ đó đưa ra các kế hoạch sản xuất và tiêu thụ.
- Bám sát nhu cầu thị trường xây dựng, tiếp thị, quảng cáo, thăm dò ý kiến khách hàng về những sản phẩm có mặt trên thị trường của công ty.
- Nghiên cứu, phát triển chiến lược kinh doanh của những mặt hàng đã có và những mặt hàng thị trường đang cần.

Bộ phận kế toán: 3 người.

- Quản lý sổ sách kế toán và chứng từ đảm bảo tính hợp lệ, rõ ràng và tuân thủ theo chế độ và chuẩn mực kế toán hiện hành, kiểm tra các khoản chi, đảm bảo phục vụ sản xuất được thông suốt, nhanh chóng, thuận lợi; đối chiếu công nợ thường xuyên, tích cực thu hồi nợ từ khách hàng; chịu trách nhiệm trước giám đốc và pháp luật nhà nước về trách nhiệm và quyền được giao.

Văn phòng đại diện: 2 người

- Có nhiệm vụ đại diện theo uỷ quyền cho lợi ích của doanh nghiệp và bảo vệ các lợi ích đó.

2.1.6. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh

**Bộ phận kế toán công ty gồm:*

Kế toán trưởng: 1 người

- Là người có quyền hạn cao nhất trong bộ máy kế toán có nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát các chứng từ, sổ sách, báo cáo số liệu, dữ liệu theo quy định của công ty, đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và kịp thời.
- Phân tích đánh giá hiệu quả kinh doanh và hoạt động tài chính của công ty, chịu trách nhiệm về việc lập, ký, tính chính xác của báo cáo kế toán và gửi báo cáo kế toán đúng thời gian quy định của công ty.
- Theo dõi, đối chiếu khoản thanh toán với công nhân viên và theo dõi tổng hợp thanh toán lương và các khoản trích theo lương của từng đối tượng.
- Tổng hợp chi phí, xác định kết quả kinh doanh

Nhân viên kế toán : 1 người

- Theo dõi, phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn kho NVL, CCDC, HH, tham gia kiểm kê, hạch toán tổng hợp.
- Phản ánh, ghi chép chính xác đầy đủ số liệu tình hình tăng giảm quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản vay của công ty. Kiểm tra các chứng từ thu chi, vay mượn hợp lý, hợp lệ đúng theo quy định của Bộ Tài chính.
- Theo dõi đối chiếu công nợ phải thu khách hàng hoặc phải trả người cung cấp.

Thủ quỹ: 1 người

- Căn cứ vào các hóa đơn, chứng từ hợp lệ để thu chi tiền mặt và phản ánh vào sổ quỹ tiền mặt.

*** Hình thức kế toán**

- Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Theo hình thức này, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được tập hợp từ chứng từ gốc, sau đó kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật Ký chung theo thứ tự thời gian. Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái tài khoản có liên quan và sổ chi tiết từng đối tượng. Cuối quý sau khi khóa sổ, đối chiếu số liệu giữa các sổ sách, kế toán căn cứ vào số liệu trên các sổ để lập báo cáo tài chính của kỳ kế toán.
- Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam, hạch toán và lập báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Hệ thống sổ kế toán công ty gồm: Sổ Nhật ký chung, Sổ cái, Sổ chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết.

- Công tác kế toán ở công ty đã sử dụng tin học hỗ trợ, đó là chương trình Excel để tính toán và lập bảng biểu.

* Đơn vị tiền tệ áp dụng : VNĐ

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh

2.2.1. Nội dung hạch toán doanh thu bán hàng và chi phí sản xuất kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh.

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh.

- Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty chủ yếu là thương mại, sản phẩm chính của Công ty là các thiết bị van công nghiệp và tàu thủy, các loại xe và ô tô trộn bê tông, gia công lắp đặt trạm trộn bê tông, do đó doanh thu chủ yếu của công ty là số tiền thu được khi bán các hàng hóa trên. Công ty không có doanh thu nội bộ.

- Phương thức bán hàng tại Công ty là phương thức bán hàng trực tiếp. Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa bên cung cấp hàng và bên nhận hàng.

- Hình thức thanh toán sẽ được thực hiện theo như hợp đồng đã ký kết giữa hai bên nhưng thông thường thì khách hàng sẽ trả trước 30% giá trị hợp đồng, 70% còn lại sẽ được khách hàng trả tiếp sau khi công trình hay hàng hóa được bàn giao toàn bộ hoặc một phần khối lượng.

- Thuế GTGT đầu ra phải nộp của Công ty được tính theo phương pháp khấu trừ, bằng 10% doanh thu bán hàng của Công ty.

Hầu hết doanh thu bán hàng của Công ty đều là thanh toán chậm.

*** Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT3/001) được lập thành 03 liên:

+ Liên 1 (Màu trắng) : Lưu tại bộ phận kế toán của Công ty

+ Liên 2 (Màu hồng) : Giao cho khách hàng

+ Liên 3 (Màu xanh) : Lưu chuyển nội bộ

- Giấy báo Có của ngân hàng

- Phiếu thu.

* Tài khoản sử dụng

- TK 511 : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Các TK khác có liên quan như : 111,112,131

* Quy trình hạch toán

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã ký kết, khi hàng hóa được bàn giao, kế toán sẽ ghi hóa đơn GTGT. Sau khi giao hóa đơn GTGT cho khách hàng, kế toán viết phiếu thu cho khách hàng nếu khách hàng trả ngay bằng tiền mặt hoặc nhận được giấy báo có của ngân hàng nếu khách hàng thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng ngay trong ngày.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT kế toán tiến hành ghi nhận doanh thu vào Sổ Nhật ký chung, từ Sổ nhật ký chung kế toán ghi sổ Cái TK 111,112,131, đồng thời lập bảng tổng hợp chi tiết TK 131.

* Một số ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 01/04/2012, bán cho Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Sông Lô 01 ô tô trộn bê tông HOWO sản xuất tại Trung Quốc, mới 100%. Tổng giá thanh toán là 1,290,000,000 đồng, thuế GTGT 10%.

Hạch toán:

Nợ TK 131	:	1,290,000,000
Có TK 511	:	1,172,727,273
Có TK 3331	:	117,272,727

Từ bút toán trên kế toán tiến hành ghi Sổ Nhật ký chung, từ Sổ Nhật ký chung kế toán ghi Sổ cái TK 511

Ví dụ 2: Ngày 13/05/2012, bán cho Công ty Cổ phần xây lắp phát triển nhà Đà Nẵng 01 xe ô tô trộn bê tông DONGFENG sản xuất tại Trung Quốc, mới 100%. Tổng giá thanh toán 1,400,000,000 đồng, thuế GTGT 10%

Hạch toán:

Nợ TK 131 : 1,400,000,000

Có TK 511 : 1,272,727,273

Có TK 3331 : 127,272,727

Từ bút toán trên kế toán tiến hành ghi Sổ Nhật ký chung, từ Sổ Nhật ký chung kế toán ghi Sổ cái TK 511

Biểu số 1 : Hoá đơn

	HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Lưu chuyển nội bộ Ngày 01 tháng 04 năm 2012	Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/11P Số: 0000018			
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH VĨNH SINH Mã số thuế: 0200436160 Địa chỉ: Số 160 Đình Đông, Phường Đông Hải, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng. Điện thoại: 031.3940799 Fax: 031.3941635 Số tài khoản: 16031485006390 Tại: NH TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – CN Hải Phòng. Email: khuesinh@hn.vnn.vn Website: www.vinhsinh.com.vn Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty Cổ Phần Công nghiệp tàu thủy Sông Lô Mã số thuế: 2600106604 Địa chỉ : Phường Dữu Lâu, TP Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản: 102010000250302					
STT	TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	ĐV	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6=4×5
1	Ôtô trộn bê tông HOWO Kiểu CNHTC: CLY5257GJB4 Kiểu Chassis: ZZ1257N3848W Màu sơn trắng, CL mới 100% Nước sản xuất : Trung Quốc Năm sản xuất: 2012 Số khung: LZZ5BLND1CN664621 Số máy: WD61595E120217019607	Bộ	01		1,172,727,273
Cộng tiền hàng: 1,172,727,273					
Thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: 117,272,727					
Tổng cộng tiền thanh toán: 1,290,000,000					
Số tiền viết bằng chữ: Một tỷ hai trăm chín mươi triệu đồng chẵn./.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) Giám đốc	
		Phạm Minh Trang (Cần kiểm tra, đối chiếu khi nhập, giao, nhận hóa đơn)		Trần Ngọc Đạt	

Biểu số 2 : Hóa đơn



HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
 Liên 3: Lưu chuyển nội bộ
 Ngày 13 tháng 05 năm 2012

Mẫu số: 01GTKT3/001
 Ký hiệu: AA/11P
 Số: 0000026

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH VĨNH SINH

Mã số thuế: 0200436160

Địa chỉ: Số 160 Đình Đông, Phường Đông Hải, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng.

Điện thoại: 031.3940799 Fax: 031.3941635

Số tài khoản: 16031485006390 Tại: NH TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam–CN Hải Phòng.

Email: khuesinh@hn.vnn.vn

Website: www.vinhsinh.com.vn

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị **Công ty Cổ phần Xây lắp phát triển nhà Đà Nẵng**

Mã số thuế: 400620833

Địa chỉ :31 Núi Thành, Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

Hình thức thanh toán: CK

Số tài khoản:

STT	TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	ĐV	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6=4×5
1	Ôtô trộn bê tông DONGFENG Kiểu: CLY5259GJB3 Kiểu Chassis: DFL5251GJBA1 Màu sơn trắng, CL mới 100% Nước sản xuất : Trung Quốc Năm sản xuất: 2012 Số khung: LGAX4DS31C2000659 Số máy: L340-3087694707	Bộ	01		1,272,727,273
Cộng tiền hàng: 1,272,727,273					
Thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: 127,272,727					
Tổng cộng tiền thanh toán: 1,400,000,000					
Số tiền viết bằng chữ: Một tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn./.					

Người mua hàng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

Phạm Minh Trang

Trần Ngọc Đạt

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi nhập, giao, nhận hóa đơn)

Biểu số 3 : Trích Sổ nhật ký chung

Công ty TNHH Vĩnh Sinh Đ/c: 160 – Đình Đông – Lê Chân – Hải Phòng	Mẫu số S03a – DN Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ –BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC
---	--

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ cái	STT dòng	SHTK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
...	...	...	...	...		...	...	...
01/4/2012	AA/11P 0000018	01/04/20 13	Bán 01 ô tô trộn bê tông HOWO nhập khẩu từ Trung Quốc cho Công ty Cổ phần thương mại và xây dựng Sông Lô	x		131 511 3331	1,290,000,000	1,172,727,273 117,272,727
...	...	...	...	...		...	...	...
13/5/2012	AA/11P 0000026	13/05/201 2	Bán 01 ô tô trộn bê tông 01 DONGFENG nhập khẩu từ Trung Quốc cho Công ty Cổ phần xây lắp và phát triển nhà Đà Nẵng	x		131 511 3331	1,400,000,000	1,272,727,273 127,272,727
...	...	...	...	...		...	...	...
			Cộng phát sinh				54,951,757,368	54,951,757,368

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 4 : Trích Sổ Cái TK 511

SỔ CÁI

Công ty TNHH Vĩnh Sinh
Đ/c: 160 – Đình Đông – Lê Chân – Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...
AA/11P 0000018	01/04/2012	Bán 01 ô tô trộn bê tông HOWO, SK: LZZ5BLNDX1C N664621, SM :WD615.95E*120217019 607	131		1,172,727,273
AA/11P 0000022	08/05/2012	Sửa chữa, bảo dưỡng xe trộn bê tông cho Công ty Minh Sơn	1111		2,050,000
0000026	13/05/2012	Bán 01 xe ô tô trộn bê tông DONGFENG, SK: LGAX4DS31C200065 9, SM: L340- 3087694707	131		1,272,727,273
...	...	...	...	...	...
		Cộng số phát sinh		6,780,713,637	6,780,713,637
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.1.2. Kế toán giá vốn tại công ty TNHH Vĩnh Sinh

Công ty áp dụng tính giá thành sản phẩm theo phương pháp giản đơn. Theo phương pháp này, kế toán tập hợp chi phí phát sinh cho từng đơn hàng từ khi bắt đầu cho đến khi hoàn thành bàn giao, chính là giá thành thực tế của đơn hàng đó.

* Tài khoản sử dụng:

- TK 154 : Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
- TK 632 : Giá vốn hàng bán
- Và các TK liên quan khác như 621, 622, 627, ...

* Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn
- Giấy báo Nợ
- Bảng thanh toán lương
- Bảng phân bổ CCDC, khấu hao TSCĐ,...

* Quy trình hạch toán:

- Đối với việc gia công lắp đặt trạm trộn bê tông, kế toán sẽ hạch toán theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (621), chi phí nhân công trực tiếp (622), chi phí sản xuất chung (627) theo từng trạm. Từ các chứng từ và sổ sách kế toán, định kỳ hàng quý kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (154) cho từng trạm đang thực hiện.

- Đối với việc mua bán các loại hàng hóa còn lại, toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến hàng hóa đó được hạch toán hết vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (154), chi tiết cho từng đơn hàng

► Từ đó kế toán lập bảng kê chi phí cho từng đơn hàng. Khi một đơn hàng hoàn thành, kế toán sẽ căn cứ vào bảng kê chi phí cho từng đơn hàng, tính giá vốn cho đơn hàng đó, chính bằng toàn bộ chi phí phát sinh theo từng đơn hàng, đồng thời kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (154) sang giá vốn (632).

Biểu số 5 : Bảng tính giá vốn xe trộn bê tông HOWO bán cho Sông Lô

TỔNG HỢP CHI PHÍ XE TRỘN BT SÔNG LÔ THEO HÓA ĐƠN				
SỐ HĐ	NGÀY HĐ	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	THUẾ VAT
120202-0	2/2/2012	Eximbank: phí mở LC xe trộn bê tông Sông Lô	1,588,744	
120202-0	2/2/2012	Eximbank: Điện phí mở LC xe trộn Sông Lô	210,360	21,036
0445142	22/3/2012	Thanh toán tiền đăng kiểm xe trộn Sông Lô	1,054,591	105,459
1913	9/3/2012	Nhập khẩu xe trộn BT Sông Lô, SK: 664621, SM: 019607	1,103,884,000	116,011,960
1913	9/3/2012	Thuế NK xe trộn BT Sông Lô, SK: 664621, SM: 019607	56,235,600	
120326-0	26/3/2012	Eximbank: Phí bảo lãnh nộp thuế xe trộn Sông Lô	314,763	
		Cộng	1,163,288,058	

Biểu số 6 : Bảng tính giá vốn xe trộn bê tông DONGFENG bán cho Công ty Đà Nẵng

TỔNG HỢP CHI PHÍ XE TRỘN BT ĐÀ NẴNG				
SỐ HĐ	NGÀY HĐ	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	THUẾ VAT
120403-0	4/3/2012	Eximbank: Phí mở LC 03 xe trộn bê tông Đà Nẵng	1,571,384	
120403-0	4/3/2012	Eximbank: Điện phí mở LC - xe trộn BT Đà Nẵng	139,067	139,067
0045372	5/3/2012	Thanh toán tiền tiếp khách	506,000	
0012274	5/4/2012	Thanh toán tiền xăng dầu cho xe trộn BT Đà Nẵng	4,569,999	4,567
0444345	5/4/2012	Thanh toán tiền kiểm định, đăng kiểm xe trộn BT Đà Nẵng	2,326,035	232,604
3678	5/2/2012	Nhập khẩu 01 xe ô tô DONGFENG, SK: 2000659, SM: 87694707	1,162,202,400	122,031,252
3678	5/2/2012	Thuế NK xe ô tô DONGFENG, SK: 2000659, SM: 87694707	58,110,120	
120505-6	5/5/2012	Eximbank: Phí bảo lãnh nộp thuế xe trộn BT Đà Nẵng	1,716,944	
		Cộng	1,231,141,949	

Biểu số 7 : Trích Sổ nhật ký chung

Công ty TNHH Vĩnh Sinh

Đ/c: 160 – Đình Đông – Lê Chân – Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ –BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	SHTK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
...	...	...	...				...	...
01/4/2012	AA-11P 0000018	01/04/ 2012	Bán 01 ô tô trộn bê tông HOWO nhập khẩu từ Trung Quốc cho Công ty Cổ phần thương mại và xây dựng Sông Lô	X		632 156	1,163,288,058	1,163,288,058
...	...	...	...			...	...	...
13/5/2012	AA/11P 0000026	13/05/ 2012	Bán 01 ô tô trộn bê tông 01 DONGFENG nhập khẩu từ Trung Quốc cho Công ty Cổ phần xây lắp và phát triển nhà Đà Nẵng	X		632 156	1,231,141,949	1,231,141,949
...	...	...	...			...	...	...
			Cộng phát sinh				54,951,757,368	54,951,757,368

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 8 : Trích Sổ cái TK 632

Công ty TNHH Vĩnh Sinh

Đ/c: 160 – Đình Đông – Lê Chân – Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...
AA/11P 0000018	01/04/ 2012	Bán 01 ô tô trộn bê tông HOWO, SK: LZZ5BLNDX1C N664621, SM :WD615.95E*120217019607	1561	1,163,288,058	
AA/1P0 000019	15/04/ 2012	Bán xe xúc lật bánh lốp cho Công ty Thành Thu Bảo Tín	1561	540,000,000	
...	...	...	...	...	...
PX15	13/05/ 2012	Bán 01 xe ô tô trộn bê tông DONGFENG, SK: LGAX4DS31C2000659, SM: L340-3087694707	1561	1,231,141,949	
...	...	...	...	...	...
		Cộng số phát sinh		6,592,801,963	6,592,801,963
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.1.3. Kế toán chi phí bán hàng tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh

Chi phí bán hàng là những chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Ở công ty TNHH Vĩnh Sinh, chi phí bán hàng gồm có:

- + Chi phí chào thầu
- + Chi phí bảo hành
- + Chi phí bảo quản, vận chuyển
- + Chi phí bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh bảo hành
- + Chi phí khấu hao TSCĐ
- + Chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng

* Tài khoản sử dụng:

- TK 641: Chi phí bán hàng
- Và các TK liên quan khác như : 1111, 112, ...

* Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn
- Giấy báo Nợ
- Bảng phân bổ CCDC, khấu hao TSCĐ, ...

* Quy trình hạch toán:

Hàng ngày, kế toán tập hợp và ghi sổ các chi phí bán hàng.

Chi phí bán hàng không được phân bổ cho số hàng xuất bán trong kỳ mà kết chuyển thẳng sang bên Nợ TK 911 để lập báo cáo kết quả kinh doanh cuối kỳ.

Ví dụ 1: Ngày 16/05/2012, thanh toán tiền phòng nghỉ đi Đà Nẵng bán xe trộn bê tông. Tổng tiền thanh toán 1,200,000 đồng; VAT 10%, đã trả bằng tiền mặt.

Hạch toán:

Nợ TK 641(84)	: 1,090,909
Nợ TK 133(1)	: 109,091
Có TK 1111	: 1,200,000

Ví dụ 2: Ngày 31/05/2012, thanh toán phí bảo lãnh dự thầu 02 đầu kéo và 06 rơ moóc – Công ty Cổ phần hóa chất và sơn sợi dầu khí, số tiền 422,715 đồng.

Hạch toán:

Nợ TK 641	: 422,715
Có TK 112(192)	: 422,715

Biểu số 9 : Hóa đơn GTGT

	TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG MIỀN TRUNG Mã số thuế: 0400255891 Địa chỉ: Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng Điện thoại: 0511.3823397 Fax: 0511.3823393																																																												
HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao cho người mua <i>Ngày 16 tháng 05 năm 2012</i> Đơn vị bán hàng: Cảng Hàng Không Quốc Tế Đà Nẵng Địa chỉ: Cảng Hàng Không Quốc Tế Đà Nẵng Mã số thuế: 0311638525-001 Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: HK/11P Số : 0013045																																																													
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị Công ty TNHH Vĩnh Sinh Địa chỉ: 160 Đình Đông – Lê Chân – Hải Phòng Hình thức thanh toán: TM MST: 0200436160																																																													
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 5%;">STT</th> <th style="width: 40%;">TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ</th> <th style="width: 10%;">ĐV TÍNH</th> <th style="width: 10%;">SỐ LƯỢNG</th> <th style="width: 10%;">ĐƠN GIÁ</th> <th style="width: 25%;">THÀNH TIỀN</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">1</td> <td style="text-align: center;">2</td> <td style="text-align: center;">3</td> <td style="text-align: center;">4</td> <td style="text-align: center;">5</td> <td style="text-align: center;">6=4×5</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">1</td> <td>Phòng ngủ</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td style="text-align: right;">1,090,909</td> </tr> <tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: right;"><i>Cộng tiền hàng:</i></td> <td style="text-align: right;">1,090,909</td> </tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: right;"><i>Thuế GTGT: 10%</i></td> <td style="text-align: right;"><i>Tiền thuế GTGT:</i></td> </tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: right;"><i>Tổng cộng tiền thanh toán:</i></td> <td style="text-align: right;">1,200,000</td> </tr> <tr> <td colspan="6"> <i>Số tiền viết bằng chữ: Một triệu hai trăm ngàn đồng chẵn./.</i> </td> </tr> </tbody> </table>		STT	TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	ĐV TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	1	2	3	4	5	6=4×5	1	Phòng ngủ				1,090,909																			<i>Cộng tiền hàng:</i>					1,090,909	<i>Thuế GTGT: 10%</i>					<i>Tiền thuế GTGT:</i>	<i>Tổng cộng tiền thanh toán:</i>					1,200,000	<i>Số tiền viết bằng chữ: Một triệu hai trăm ngàn đồng chẵn./.</i>					
STT	TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	ĐV TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN																																																								
1	2	3	4	5	6=4×5																																																								
1	Phòng ngủ				1,090,909																																																								
<i>Cộng tiền hàng:</i>					1,090,909																																																								
<i>Thuế GTGT: 10%</i>					<i>Tiền thuế GTGT:</i>																																																								
<i>Tổng cộng tiền thanh toán:</i>					1,200,000																																																								
<i>Số tiền viết bằng chữ: Một triệu hai trăm ngàn đồng chẵn./.</i>																																																													
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) Trương Thị Bình Diên <i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi nhập, giao, nhận hóa đơn)</i>																																																													

Biểu số 10 : Phiếu chi

Công ty TNHH Vĩnh Sinh Đ/c: 160 – Đình Đông – Lê Chân – Hải Phòng		Mẫu số: 02- TT Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC		
PHIẾU CHI Ngày 16 tháng 05 năm 2012		Số : PC0080 Nợ : 64184, 1331 Có : 1111		
Họ và tên người nhận tiền: Trương Thị Bình Diên. Địa chỉ: Bộ phận kế toán Lý do chi: Thanh toán tiền phòng nghỉ đi Đà Nẵng bán xe trộn bê tông Số tiền: 1.200.000đ Viết bằng chữ: Một triệu hai trăm ngàn đồng chẵn./. Kèm theo: 01 chứng từ gốc.				
Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
Trần Ngọc Đạt		Hoàng Thị Ngọc Khuê		Trương Thị Bình Diên
	Vũ Thị Minh Trang		Phạm Minh Trang	

Biểu số 11 : Giấy báo:

Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Vietnam Eximbank) Số BT(Entry No):DTTNGA (Ký hiệu HĐ)
 Hội sở/ Chi nhánh (HO/Branch): EIB HAI PHONG 120531-10 (Số HĐ)
 Địa chỉ (Address): 32 Tran Phu, Quan Ngo Quyen, TP. Hai Phong
 Mã số thuế: 0301179079-016
 Điện thoại:84.0313.757578
 Fax: 84.0313.757571

**GIẤY BÁO
(ADVICE)**

Tên khách hàng (Customer Name): CONG TY TNHH VINH SINH
 Mã số khách hàng (CIF No) 0163 -104560019
 Địa chỉ (Address): 160 DINH DONG – DONG HAI LE CHAN-HAI PHONG
 Mã số thuế (Tax Code): 0200436160 Ngày (Created Date): 31/05/2012
 Ngày HL (Value Date): 31/05/2012

Chúng tôi xin thông báo (Please advise that):

√Chúng tôi đã ghi Nợ tài khoản của Quý khách/ đã nhận bằng tiền mặt số tiền như sau:

We have debited your account/ or received by cash, the following amount:

Chúng tôi đã ghi Có tài khoản của Quý khách/ đã trả bằng tiền mặt số tiền như sau:

We have credited your account/ or paid by cash, the following amount:

NỘI DUNG (Description)	Guarantee Issue		
TÀI KHOẢN (A/C No.)	160314851006390	Số tham chiếu (Reference No.)	1603GBB120500024

CHI TIẾT (Item)	Số tiền (Amount)		Ghi chú (Remark)
Phát hành thư bảo lãnh ký quỹ	VND	422,175	
Total Amount	VND	422,175	

Số tiền bằng chữ (Amount in words)	Bốn trăm hai mươi hai nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng.
--	---

Guarantee Issue Amount: VND43,300,000 Tỷ giá:/VND:0
--

TTV giữ tài khoản (File Keeper): TRAN THI NHU TRANG

Người lập BT (Original entry):DO THI THANH NGA Người phê duyệt (Checked by): NGUYEN TANG KIM THAO

Thanh toán viên
(Printed by)

Kiểm soát
(Checked by)

Giám đốc
(Approved by)

BUI HUONG TRANG

Biểu số 12 : Trích Sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Vĩnh Sinh

Đ/c: 160 – Đình Đông – Lê Chân – Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ –BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ cái	STT dòng	SHTK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
...	...	...	...			...	...	...
16/05/2012	PC0080	16/5/2012	Thanh toán tiền phòng nghỉ đi Đà Nẵng bán xe trộn bê tông	x		64184 133 1111	1,090,909 109,091	1,200,000
...	...	...	...			...	...	...
31/05/2012		31/5/2012	Thanh toán phí bảo lãnh dự thầu 02 đầu kéo và 06 rơ moóc – Công ty Cổ phần hóa chất và sơ sợi dầu khí	x		641 112192	422,715	422,715
...	...	...	...	...		...	...	...
			Cộng phát sinh				54,951,757,368	54,951,757,368

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 13 : Trích Sổ cái TK 641

Công ty TNHH Vĩnh Sinh

Đ/c: 160 – Đình Đông – Lê Chân – Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu: 641

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...
BTK00 35	31/04 /2012	Phân bổ CCDC tháng 4/2012	153	106,000	
BTK00 36	31/04/ 2012	Trích khấu hao TSCĐ tháng 4/2012	214	5,404,000	
...	...	...	...	...	...
PC0080	16/05/ 2012	Thanh toán tiền phòng nghỉ đi Đà Nẵng bán xe trộn bê tông	1111	1,090,909	
...	...	...	...	...	...
	31/05/ 2012	Thanh toán phí bảo lãnh dự thầu 02 đầu kéo và 06 rơ moóc – Công ty Cổ phần hóa chất và sơ sợi dầu khí	112192	422,715	
...	...	...	...	...	...
		Cộng số phát sinh		45,565,926	45,565,926
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.1.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh

Chi phí quản lý doanh nghiệp là những chi phí cho việc quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và phục vụ chung khác liên quan đến hoạt động của cả doanh nghiệp.

Ở công ty TNHH Vĩnh Sinh, chi phí quản lý doanh nghiệp gồm có:

- + Lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...)
- + Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế của nhân viên quản lý doanh nghiệp.
- + Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp.
- + Chi phí dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại,.....)
- + Phí, lệ phí
- + Chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị, khách hàng,....)

* Tài khoản sử dụng:

- TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Và các TK liên quan khác như : 1111,112,...

* Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn
- Giấy báo Có
- Bảng phân bổ CCDC, khấu hao TSCĐ,...

* Quy trình hạch toán:

Hàng ngày, kế toán tập hợp và ghi sổ các chi phí quản lý doanh nghiệp.

Cũng như chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được phân bổ cho số hàng xuất bán trong kỳ mà kết chuyển thẳng sang bên Nợ TK 911 để lập báo cáo kết quả kinh doanh cuối kỳ.

Ví dụ 1: Ngày 11/04/2012, thanh toán phí gửi xe ô tô T3+4/2012 tại bãi xe Lạch Tray, số tiền 1,500,000 đồng đã bao gồm VAT 10%, trả bằng tiền mặt
Hạch toán:

Nợ TK 6428(8) : 1,363,636

Nợ TK 133(1) : 136,364

Có TK 1111 : 1,500,000

Ví dụ 2: Ngày 30/06/2012, phân bổ tiền bảo hiểm xe Mec, xe Ford tháng 6/2012.

Hạch toán:

Nợ TK 642(74) : 1,710,731

Có TK 142 : 1,710,731

Biểu số 14 : Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao người mua Ngày 11 tháng 04 năm 2012	Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/11P Số: 0000192																																																												
Đơn vị bán hàng: CN CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ HẢI PHÒNG TRUNG TÂM QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC ĐIỀM ĐỒ XE Mã số thuế: 0200150563-003 Địa chỉ: Số 233 Trần Nguyên Hãn, P. Nghĩa Xá, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng. Điện thoại: 0313.783133 Số tài khoản:																																																													
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty TNHH Vĩnh Sinh Mã số thuế: : 0200436160 Địa chỉ : 160 Đình Đông, Phường Đông Hải, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng Hình thức thanh toán: TM Số tài khoản:																																																													
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 8%;">STT</th> <th style="width: 38%;">TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ</th> <th style="width: 8%;">ĐV TÍNH</th> <th style="width: 10%;">SỐ LƯỢNG</th> <th style="width: 12%;">ĐƠN GIÁ</th> <th style="width: 14%;">THÀNH TIỀN</th> </tr> <tr> <th>1</th> <th>2</th> <th>3</th> <th>4</th> <th>5</th> <th>6=4×5</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">1</td> <td>Phí gửi xe ô tô T3+4/2012 tại bãi xe Lạch Tray 1 BKS: 16M - 5852</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td style="text-align: right;">1,363,636</td> </tr> <tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: right;"><i>Cộng tiền hàng:</i></td> <td style="text-align: right;">1,363,636</td> </tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: right;"><i>Thuế GTGT: 10%</i></td> <td style="text-align: right;">136,364</td> </tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: right;"><i>Tổng cộng tiền thanh toán :</i></td> <td style="text-align: right;">1,500,000</td> </tr> <tr> <td colspan="6" style="text-align: left;"><i>Số tiền viết bằng chữ: Một triệu năm trăm ngàn đồng chẵn./.</i></td> </tr> </tbody> </table>		STT	TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	ĐV TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	1	2	3	4	5	6=4×5	1	Phí gửi xe ô tô T3+4/2012 tại bãi xe Lạch Tray 1 BKS: 16M - 5852				1,363,636																			<i>Cộng tiền hàng:</i>					1,363,636	<i>Thuế GTGT: 10%</i>					136,364	<i>Tổng cộng tiền thanh toán :</i>					1,500,000	<i>Số tiền viết bằng chữ: Một triệu năm trăm ngàn đồng chẵn./.</i>					
STT	TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	ĐV TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN																																																								
1	2	3	4	5	6=4×5																																																								
1	Phí gửi xe ô tô T3+4/2012 tại bãi xe Lạch Tray 1 BKS: 16M - 5852				1,363,636																																																								
<i>Cộng tiền hàng:</i>					1,363,636																																																								
<i>Thuế GTGT: 10%</i>					136,364																																																								
<i>Tổng cộng tiền thanh toán :</i>					1,500,000																																																								
<i>Số tiền viết bằng chữ: Một triệu năm trăm ngàn đồng chẵn./.</i>																																																													
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)	Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)	Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)																																																											
Nguyễn Hoàng Hà (Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)																																																													

Biểu số 15: Phiếu chi

Công ty TNHH Vĩnh Sinh Đ/c: 160 – Đình Đông – Lê Chân – Hải Phòng	Mẫu số: 02- TT Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC			
PHIẾU CHI Ngày 16 tháng 05 năm 2012	Số : PC0063 Nợ : 64288, 1331 Có : 1111			
Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Hữu Lưu. Địa chỉ: Bộ phận kinh doanh Lý do chi: Thanh toán phí gửi xe ô tô tháng 3+4/2012 Số tiền: 1.500.000đ Viết bằng chữ: Một triệu năm trăm ngàn đồng chẵn./. Kèm theo: 01 chứng từ gốc.				
Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
Trần Ngọc Đạt		Hoàng Thị Ngọc Khuê		Trương Thị Bình Diên
	Vũ Thị Minh Trang		Phạm Minh Trang	

Biểu số 16 : Bảng phân bổ công cụ dụng cụ

STT	Nội dung	Thời gian phân bổ (năm)	Giá trị phân bổ từ T6/2012 đến T5/2013	Tình hình phân bổ tiền bảo hiểm xe FORD và xe MEC năm 2012+2013									Giá trị còn lại
				Tháng 6/12	Tháng 7/12	Tháng 8/12	...	Tháng 2/13	Tháng 3/13	Tháng 4/13	Tháng 5/13	Năm 2012+2013	
1	Tiền bảo hiểm TNDS, bảo hiểm vật chất xe Ford	1 năm	9,757,500	813,125	813,125	813,125	...	813,125	813,125	813,125	813,125	9,757,500	
2	Tiền bảo hiểm TNDS, bảo hiểm vật chất xe Mec	1 năm	10,771,273	897,606	897,606	897,606	...	897,606	897,606	897,606	897,606	10,771,273	
	Tổng cộng		20,528,773	1,710,731	1,710,731	1,710,731	...	1,710,731	1,710,731	1,710,731	1,710,731	20,528,773	

Biểu số 17: Trích Sổ nhật ký chung

Công ty TNHH Vĩnh Sinh

Đ/c: 160 – Đình Đông – Lê Chân – Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ –BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ cái	STT dòng	SHTK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
...	...	...	...	...		...	...	...
11/04/2012	PC0063	11/4/2012	Thanh toán phí gửi xe ô tô tháng 3+4/2012	x		642 133 1111	1,363,636 136,364	1,500,000
...	...	...	...			...	...	...
...	...	...	...			...	...	...
30/06/2012	BTK0059	30/06/2012	Phân bổ tiền bảo hiểm xe Ford + xe Mec	x		642 142	1,710,131	1,710,131
			Cộng phát sinh				54,951,757,368	54,951,757,368

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 18 : Trích Sổ cái TK 642

Công ty TNHH Vĩnh Sinh
Đ/c: 160 – Đình Đông – Lê Chân – Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
...	...		...	...	...
PC0063	11/04/ 2012	Thanh toán phí gửi xe ô tô tháng 3+4/2012	1111	1,363,636	
BTK0035	30/04/ 2012	Phân bổ công cụ dụng cụ tháng 4/2012	153	1,144,723	
...	...	...	...	...	...
BTK0059	30/06/ 2012	Phân bổ tiền bảo hiểm xe Ford + xe Mec	142	1,710,731	
BTK0062	30/06/ 2012	Lương VP tháng 6/2012	334	56,500,000	
...	...	...	...	...	...
		Cộng số phát sinh		1,249,067,568	1,249,067,548
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.2. Nội dung hạch toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh.

2.2.2.1. Kế toán doanh thu tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, tiền cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp

Tại công ty TNHH Vĩnh Sinh, doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu là lãi tiền gửi ngân hàng.

*** Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo có của ngân hàng

*** Tài khoản sử dụng:**

- TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính

- Các TK liên quan khác

*** Quy trình hạch toán:**

Căn cứ vào các giấy báo có của ngân hàng, kế toán tiến hành vào sổ nhật ký chung, từ sổ nhật ký chung lập sổ cái TK 515. Cuối tháng, kế toán kết chuyển sang 911, cuối quý tập hợp số liệu lập báo cáo tài chính.

Ví dụ : Lãi tiền gửi ngân hàng BIDV tháng 5/2012

Hạch toán:

Nợ TK 112191 : 66,367

Có TK 515 : 66,367

Biểu số 19 : Giấy báo

NGAN HANG DAU TU VA PHAT TRIEN VIET NAM Chi nhánh: 321 CN NGAN HANG DT & PT HAI PHONG		
DO INTERESTED VOUCHER NGAY : 31/05/2012		
TEN TK : CTY TNHH VINH SINH Tai khoan so: 321-10-00-007395-9 Ngày giao dịch : 25/05/2012		Loai tien: VND
So du TK	Lai suat (%)	
1,530,290.00	3.00000000	66,367
: 66,367 : SAU MUOI SAU NGAN BA TRAM SAU MUOI BAY VND CHAN.		
Teller		Kiem soat vien

Biểu số 20 : Trích Sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Vĩnh Sinh

Đ/c: 160 – Đình Đông – Lê Chân – Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ –BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ cái	STT dòng	SHTK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
...	...	...	...	...		...	...	
11/04/2012	PC0063	11/4/2012	Thanh toán phí gửi xe ô tô tháng 3+4/2012	642 133		1111	1,363,636 136,364	1,500,0
...	...	...	...	...		...	...	
25/05/2012	NH0020	25/5/2012	BIDV: Lãi tiền gửi tháng 5/2012	112191		515	66,367	66,3
...	...	...	...	...		...	...	
30/06/2012	BTK0059	30/06/2012	Phân bổ tiền bảo hiểm xe Ford + xe Mec	642		142	1,710,131	1,710,1
			Cộng phát sinh				54,951,757,368	54,951,757,3

Ngày 30 tháng 06 năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 21 : Trích Sổ Cái TK 515

Công ty TNHH Vĩnh Sinh
Đ/c: 160 – Đình Đông – Lê Chân – Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
NH0014	24/4/2012	Eximbank: Lãi TGNH tháng 4/2012	112192		296,891
NH0015	24/4/2012	Eximbank: Lãi TGNH tháng 4/2012	112211		15,869
NH0016	25/4/2012	BIDV: Lãi tiền gửi tháng 4/2012	112191		51,786
KC04_02	30/4/2012	Kết chuyển 515-911	911	364,546	
...	...	...	...	...	...
NH0020	25/5/2012	BIDV: Lãi tiền gửi tháng 5/2012	112191		66,367
...	...	...	...	...	...
		Cộng số phát sinh		2,575,174	2,575,174
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.2.2. Kế toán chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động tài chính.

Ở công ty TNHH Vĩnh Sinh, chi phí tài chính bao gồm:

+ Chi phí lãi vay

+ Chi phí chênh lệch tỷ giá.

Chi phí tài chính được kê khai trong báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là tổng chi phí tài chính, trong đó chi phí lãi vay là khoản chi phí tài chính quan trọng nhất. Nếu chỉ đọc báo cáo kết quả kinh doanh, thì rất khó biết chi phí tài chính bao gồm những khoản nào.

Các thông số chi tiết về chi phí tài chính được báo cáo đầy đủ trong bản thuyết minh báo cáo tài chính được cung cấp kèm với báo cáo tài chính.

* Tài khoản sử dụng:

- TK 635: Chi phí tài chính

- Và các TK liên quan khác: 911, 112, 331, 111,

* Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi

- Giấy báo của ngân hàng

* Quy trình hạch toán :

Căn cứ vào các chứng từ gốc như phiếu chi, giấy báo, kế toán vào Sổ nhật ký chung, từ sổ nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 635. Cuối tháng, kế toán tiến hành kết chuyển sang TK 911. Cuối quý, kế toán tập hợp số liệu lập báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 15/05/2012, trả lãi vay xe Mec tháng 4+5/2012 bằng TGNH BIDV Hải Phòng

Hạch toán:

Nợ TK 635 : 14,067,708

Có TK 112191 : 14,067,708

Biểu số 22 : Trích Sổ nhật ký chung

Công ty TNHH Vĩnh Sinh

Đ/c: 160 – Đình Đông – Lê Chân – Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ –BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ cái	STT dòng	SHTK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
...	...	...	...			...	...	...
01/4/2012	0000018	01/04/2013	Bán 01 ô tô trộn bê tông HOWO nhập khẩu từ Trung Quốc cho Công ty Cổ phần thương mại và xây dựng Sông Lô	X		131 511 3331	1,290,000,000	1,172,727,273 117,272,727
...	...	...	...			...	...	...
15/5/2012	CNH0023	15/05/2012	BIDV: Trả lãi vay xe Mec tháng 4+5/2012	X		635 112191	14,067,708	14,067,708
...	...	...	...			...	...	...
			Cộng phát sinh				54,951,757,368	54,951,757,368

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 23 : Trích Sổ cái TK 635

Công ty TNHH Vĩnh Sinh
Đ/c: 160 – Đình Đông – Lê Chân – Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu: 635

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
CNH0023	15/5/2012	BIDV: Trả lãi vay xe Mec T4+5/2013	112191	14,067,708	
BTK0055	31/5/2012	Chi phí chênh lệch tỷ giá xe trộn bê tông Sông Lô	331	7,165,600	
...	...	...	...	...	...
		Cộng số phát sinh		27,677,585	27,677,585
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.1.2.5. Kế toán kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

+ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Kết quả của hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

+ Kết quả hoạt động khác: là số chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

Cuối tháng, công ty thực hiện các nghiệp vụ kết chuyển doanh thu bán hàng thuần, trị giá vốn hàng bán, doanh thu hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác, chi phí tài chính và chi phí khác, kết chuyển chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp sang bên nợ TK 911, Từ đó cân đối và xác định lỗ, lãi, thuế TNDN phải nộp

Ví dụ: Kết chuyển chi phí, xác định kết quả kinh doanh quý 2 năm 2012

Tổng hợp:

Kết chuyển doanh thu

Nợ TK 511 : 6,780,713,637

Nợ TK 515 : 2,575,174

Có TK 911 : 6,783,288,811

Kết chuyển chi phí

Nợ TK 632 : 6,592,801,963

Nợ TK 635 : 27,677,585

Nợ TK 641 : 45,565,926

Nợ TK 642 : 302,860,801

Có TK 911 : 6,968,906,275

Kết chuyển lỗ:

Nợ TK 421 : 185,617,464

Có TK 911 : 185,617,464

Biểu số 24: Phiếu kế toán

CÔNG TY TNHH VĨNH SINH

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Số 11/4

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Kết chuyển chi phí giá vốn, chi phí tài chính quý 2/2012	911		6,968,906,275
			632	6,592,801,963
			635	27,677,585
			641	45,565,926
			642	302,860,801
	Cộng			

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Người lập biểu

Biểu số 25 : Phiếu kế toán

CÔNG TY TNHH VĨNH SINH

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Số 12/4

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Kết chuyển doanh thu quý 2/2012	511		6,780,713,637
		515		2,575,174
			911	6,783,288,811
	Cộng			

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Người lập biểu

Biểu số 26 : Phiếu kế toán

CÔNG TY TNHH VĨNH SINH

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Số 13/4

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Kết chuyển lỗ quý	421		185,617,464
	2/2012		911	185,617,464
	Cộng			

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Người lập biểu

Biểu số 27 : Trích Sổ nhật ký chung

Công ty TNHH Vĩnh Sinh

Đ/c: 160 – Đình Đông – Lê Chân – Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ –BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Ngày,tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ cái	STT dòng	SHTK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
...	...	...	...	...		...	...	...
30/6/2012	PKT11/06	30/04/2012	Kết chuyển chi phí quý 2/2012	x		911 632 635 641 642	6,968,906,275	6,592,801,963 27,677,585 45,565,926 302,860,801
30/6/2012	PKT12/06	30/04/2012	Kết chuyển doanh thu quý 2/2012	x		511 515 911	6,780,713,637 2,575,174	6,783,288,811
30/6/2012	PKT13/06	30/06/2012	Kết chuyển lỗ quý 2/2012	x		421 911	185,617,464	185,617,464
			Cộng phát sinh				54,951,757,368	54,951,757,368

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 28: Trích Sổ cái TK 911

Công ty TNHH Vĩnh Sinh
Đ/c: 160 – Đình Đông – Lê Chân – Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...
PKT11/06	30/6/2012	Kết chuyển chi phí quý 2/2012	632 635 641 642	6,592,801,963 27,677,585 45,565,926 302,860,801	
PKT12/06	30/6/2012	Kết chuyển doanh thu quý 2/2012	511 512		6,780,713,637 2,575,174
PKT13/06	30/6/2012	Kết chuyển lỗ quý 2/2012	421		185,617,464
		Cộng số phát sinh		6,968,906,275	6,968,906,275
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý 2/2012

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ 2
A	B	C	D
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	6,780,713,637
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		6,780,713,637
4. Giá vốn hàng bán	11		6,592,801,963
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		187,911,674
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2,575,174
7. Chi phí tài chính	22		27,677,585
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		22,654,372
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		348,426,727
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24)	30		(185,617,464)
10. Thu nhập khác	31		-
11. Chi phí khác	32		-
12. Lợi nhuận khác	40		-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	IV.09	(185,617,464)
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(185,617,464)

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

CHƯƠNG 3:

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VĨNH SINH

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh.

Công ty TNHH Vĩnh Sinh là một doanh nghiệp của tư nhân, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là thương mại với các mặt hàng chủ yếu thuộc lĩnh vực công nghiệp. Đây là ngành nghề khá phát triển vì nó phù hợp với mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước của Đảng, có nhiều cơ hội và được Nhà nước khuyến khích đầu tư.

3.1.1. Ưu điểm:

Công ty TNHH Vĩnh Sinh sau nhiều năm hoạt động đã tạo được uy tín với khách hàng. Công ty tuy có những lúc thăng trầm theo tình hình kinh tế chung nhưng vẫn đảm bảo việc hoạt động kinh doanh, đầy đủ công ăn việc làm cho người lao động, và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

**** Về cơ cấu tổ chức Công ty:***

Công ty đã được cơ cấu khá gọn nhẹ, phù hợp với yêu cầu công việc và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của mình. Các bộ phận hoạt động hiệu quả, tích cực, cung cấp thông tin kịp thời và nhanh chóng.

**** Về tổ chức bộ máy kế toán của Công ty:***

Các nhân viên phòng kế toán có chuyên môn tốt, có khả năng làm việc độc lập, nhiệt tình và yêu nghề, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, nhiều năm liền chưa để xảy ra sai sót nghiêm trọng. Mỗi nhân viên kế toán đều được trang bị máy vi tính nối mạng để dễ dàng chia sẻ và tổng hợp số liệu, cập nhật các quy định và hướng dẫn mới của bộ tài chính, từ đó đảm bảo tính hợp lý và kịp thời của các báo cáo kế toán.

**** Về hạch toán kế toán nói chung:***

Công ty thực hiện đầy đủ theo chế độ kế toán hiện hành.

**** Về chứng từ kế toán:***

Kế toán sử dụng hệ thống chứng từ kế toán đúng theo quy định của Bộ tài chính ban hành. Các chứng từ sử dụng đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và

pháp lý. Những thông tin về nghiệp vụ kế toán được ghi đầy đủ, chính xác vào chứng từ, trình tự luân chuyển chứng từ đảm bảo cho chứng từ lập ra có cơ sở thực tế, pháp lý. Chứng từ được phân loại rồi đóng thành sổ, lưu trữ tương đối khoa học, thuận tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết.

*** Về sổ sách kế toán:**

Các sổ sách kế toán được thực hiện rõ ràng, sạch sẽ, được in ra và lưu trữ theo đúng quy định của Nhà nước và yêu cầu của Công ty. Công ty ghi sổ sách kế toán theo hình thức Nhật ký chung. Với việc thương mại không quá nhiều hàng hóa, các nghiệp vụ phát sinh cũng không nhiều và không phức tạp thì công việc ghi sổ theo hình thức này tương đối dễ thực hiện, tổng hợp được số liệu nhanh lên báo cáo tài chính.

*** Về hệ thống tài khoản sử dụng:**

Công ty sử dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo Quyết định 45/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính ban hành và các thông tư hướng dẫn , sửa đổi, bổ sung.

*** Về hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty**

- Công ty nắm bắt nhanh những thông tin kinh tế cũng như sự thay đổi của chế độ kế toán, áp dụng cho đơn vị mình một cách phù hợp, đặc biệt là về vấn đề hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
- Các nhân viên kế toán hạch toán độc lập, nhưng trong quá trình hạch toán vẫn có sự phân công của kế toán trưởng, cuối cùng đối chiếu, kiểm tra, nên đảm bảo được tính chính xác và kịp thời theo yêu cầu quản lý.
- Dưới sự hỗ trợ đắc lực của hệ thống máy vi tính, phần lớn doanh thu, chi phí đều được hạch toán và theo dõi chi tiết, chặt chẽ theo từng vụ việc, từ đó dễ dàng đánh giá hiệu quả từng hợp đồng kinh tế.
- Có sự thống nhất về nhiệm vụ và phương pháp tính toán các chỉ tiêu, thuận lợi cho việc cung cấp thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của toàn công ty kịp thời và chính xác.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán nói chung và hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh vẫn còn tồn tại những mặt hạn chế sau:

*** Về tài khoản sử dụng:**

Công ty hạch toán theo quyết định số 48 nhưng lại sử dụng một số tài khoản trong quyết định 15 như TK 621, 622, 627, 641, điều này không đảm bảo tính nhất quán theo chế độ, đồng thời cũng làm cho việc hạch toán kế toán thêm phức tạp

*** Về hạch toán chứng từ ban đầu:**

- Kế toán Công ty chưa lập các chứng từ để phản ánh bút toán kết chuyển khi hạch toán kết quả kinh doanh. Mà hạch toán ban đầu là việc ghi chép, hệ thống các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào các chứng từ kế toán, làm cơ sở cho việc hạch toán tổng hợp và chi tiết. Việc kế toán không lập các chứng từ ban đầu để phản ánh bút toán kết chuyển sẽ không có căn cứ ghi sổ kế toán, người xem khó theo dõi, kiểm tra quy trình ghi chép của kế toán. Mặt khác, khi muốn kiểm tra lại phải rà soát lại các phần hành trước và phải tự cộng số liệu rất mất thời gian, khó đảm bảo tính kịp thời.

*** Về công tác kế toán:**

- Hiện tại, nhân viên kế toán công ty ngoài việc hạch toán kế toán, còn phải làm thêm nhiều việc khác nữa. Mỗi khi dự thầu và trúng thầu thì áp lực thời gian khá nặng, và với nhiều việc được giao như vậy thì dễ gây ra nhầm lẫn, sai sót, ảnh hưởng tới tiến độ công việc cũng như báo cáo.

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh

3.2.1. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Trong nền kinh tế thị trường nhiều cơ hội và thách thức, với sự khuyến khích và mở cửa của Nhà nước đã xuất hiện thêm nhiều doanh nghiệp tham gia kinh doanh vào các lĩnh vực khác nhau. Để quản lý tốt công việc kinh doanh của mình thì kế toán là một công cụ quan trọng và hữu hiệu. Vì vậy công tác kế toán ngày càng phải được nâng cao và hoàn thiện, đáp ứng tốt nhất yêu cầu của công việc kinh doanh.

- Tổ chức được bộ máy kế toán hiệu quả sẽ giúp cho nhà quản lý nắm bắt được tình hình tài chính cũng như hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời kỳ, từ đó giúp doanh nghiệp có những chiến lược phát triển công ty và quyết định đầu tư đúng đắn, đưa doanh nghiệp ngày càng phát triển bền vững.

3.2.2. Yêu cầu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh

Qua đánh giá trên ta thấy được rằng, ngoài những mặt tích cực thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh vẫn còn những hạn chế cần khắc phục. Vì vậy Công ty cần hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cần phải đảm bảo được các yêu cầu sau:

- Cung cấp số liệu, thông tin trung thực, khách quan và dễ hiểu, dễ dàng cho theo dõi và kiểm tra.
- Số liệu kế toán phản ánh kịp thời và chính xác
- Số liệu minh bạch, công khai, rõ ràng
- Thực hành tiết kiệm và hiệu quả.

3.2.3 Nội dung và giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh

Trên cơ sở những yêu cầu của việc hoàn thiện và thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh, em xin đưa ra một số đề xuất sau:

3.2.3.1. Kiến nghị 1: Kiến nghị về hệ thống tài khoản sử dụng

Công ty TNHH Vĩnh Sinh là một đơn vị kinh doanh vừa và nhỏ, áp dụng chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Vì vậy, việc kế toán đưa vào sử dụng các TK chi phí 621,622,627,641 là không phù hợp. Để khắc phục điều này nhằm đảm bảo đúng chế độ, các chi phí liên quan đến mảng gia công trạm trộn bê tông, kế toán không sử dụng các TK 621,622,627 để hạch toán rõ theo từng khoản mục nữa mà tập hợp hết vào TK 154 để khi hoàn thiện

bàn giao tính ra giá vốn. Đồng thời việc làm này cũng giúp đơn giản hoá công tác kế toán.

Về các hàng hóa thương mại, kế toán nên hạch toán trực tiếp vào TK 156 chứ không nên tập hợp hết vào TK 154, vì đây là các hàng hóa thương mại thuần túy, doanh nghiệp không gia công hay sản xuất thêm chi tiết nào. Kế toán có thể sử dụng các TK chi tiết để phản ánh các chi phí liên quan đến hàng hóa đó.

Ví dụ:

TK 156 : Giá mua hàng hóa

TK 1561: Phí L/C

TK 1562: Phí bảo lãnh,...

Các chi phí đang được kế toán tập hợp vào TK 641 chuyển sang tập hợp vào TK 642 (chi tiết TK 6421)

3.2.3.2. Kiến nghị 2: Hoàn thiện hệ thống chứng từ kế toán

Đặc điểm của kế toán tài chính là kế thừa số liệu của các phần hành kế toán trước đó. Do các chứng từ phát sinh đều là chứng từ tự lập, các chứng từ này được sử dụng trong nội bộ doanh nghiệp để hạch toán kết quả kinh doanh. Các chứng từ này dùng để tập hợp và phản ánh đầy đủ và chi tiết các khoản doanh thu, chi phí được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

Hàng tháng, kế toán nên lập phiếu kế toán để ghi chép các bút toán kết chuyển như kết chuyển doanh thu, kết chuyển giá vốn,... và các bút toán phân bổ. Phiếu kế toán sẽ là căn cứ để ghi sổ kế toán, làm như vậy đến cuối quý kế toán sẽ xác định kết quả kinh doanh nhanh hơn, không cần phải tìm lọc, cộng số liệu từ đầu quý rất mất thời gian

Ví dụ:

CÔNG TY TNHH VĨNH SINH

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 4 năm 2012

Số ...

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Kết chuyển giá vốn tháng 4/2012	911		2,879,376,116
			632	2,879,376,116
	Cộng			

Ngày 30 tháng 4 năm 2012

Người lập biểu

Cuối mỗi quý, kế toán nên lập Bảng tổng hợp chi phí hoạt động kinh doanh và Bảng tổng hợp doanh thu dựa trên phiếu kế toán từng tháng, từ đó theo dõi được biến động doanh thu, chi phí từng tháng, giúp nhà quản lý đưa ra được các chính sách, điều chỉnh tài chính phù hợp. Đồng thời việc làm này cũng giúp kế toán xác định được kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, có căn cứ lập các phiếu kế toán.

Mẫu kiến nghị:

Bảng tổng hợp chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh – Ghi Nợ TK 911

Chứng từ		Nội dung	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
	31/4/2012	K/c chi phí giá vốn T4/2012	632		
	30/4/2012	K/c chi phí QLDN T4/2012	642		
	30/4/2012	K/c chi phí tài chính T4/2012	635		
		<i>Cộng chi phí T4/2012</i>			
	31/5/2012	K/c chi phí giá vốn T5/2012	632		
...	...	...	...	...	...
		Cộng chi phí quý 2/2012			

Bảng tổng hợp doanh thu – Ghi Có TK 911

Chứng từ		Nội dung	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
	31/4/2012	K/c doanh thu bán hàng T4/2012	511		
	30/4/2012	K/c doanh thu tài chính T4/2012	515		
		<i>Cộng doanh thu T4/2012</i>			
	31/5/2012	K/c doanh thu bán hàng T5/2012	511		
...	...	...	...	...	...
		Cộng doanh thu quý 2/2012			

Bảng xác định kết quả kinh doanh quý 2/2012

STT	Nội dung	TK đối ứng		Số tiền	
		Nợ	Có	Nợ	Có
1	Doanh thu quý 2/2012				
2	Chi phí quý 2/2012				
3	Lỗ quý 2/2012				

3.2.3.3. Kiến nghị 3: Về công tác kế toán

- Hiện nay, ở Công ty TNHH Vĩnh Sinh, các kế toán công ty gần như đều làm kế toán tổng hợp, cuối kỳ đối chiếu kết quả với nhau và lên báo cáo, điều này dẫn đến công việc của mỗi kế toán đều nhiều, khó đảm bảo tính chính xác. Vì vậy, kế toán trưởng nên có sự phân công công việc cụ thể hơn, mỗi nhân viên làm một số phần hành nhất định, điều này sẽ tạo hiệu suất làm việc cao hơn, đảm bảo tính kịp thời và chính xác.

3.2.3.4. Kiến nghị 4: Về việc ứng dụng phần mềm kế toán

- Ngày nay, việc ứng dụng khoa học công nghệ ngày càng đóng vai trò trong nhiều lĩnh vực. Trong đó kế toán sử dụng máy vi tính sẽ tiết kiệm rất nhiều thời gian và tiền của, đảm bảo cung cấp thông tin một cách kịp thời và chính xác.

Kế toán tại công ty phải kiêm nhiệm nhiều phần hành nên việc áp dụng kế toán máy là rất cần thiết, tiết kiệm thời gian lao động. Mặc dù chi phí ban đầu

có thể là cao nhưng hiệu quả mang lại về tính chính xác và hiệu suất công việc sẽ phục vụ đắc lực công tác hạch toán kế toán của Công ty.

Một vấn đề nữa cần phải đề cập đó chính là phần mềm kế toán phải phù hợp với đặc điểm thực trạng ở Công ty. Cùng với việc trang bị máy tính và phần mềm kế toán, công tác đào tạo, nâng cao kỹ năng thành thạo trong việc sử dụng các chương trình kế toán cho cán bộ công ty là cần thiết.

Công ty có thể áp dụng một số phần mềm kế toán sau: MISA, SASINOVA, FAST, ACMAN,EFFECT,.....

KẾT LUẬN

Hoà cùng bước tiến của đất nước, mỗi doanh nghiệp đang từng ngày nỗ lực hết mình để vươn lên trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đạt được mức lợi nhuận như mong muốn và tạo lập giá trị doanh nghiệp bền vững. Trong cơ chế thị trường hiện nay, khi tính chất cạnh tranh ngày càng gay gắt thì việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở mỗi doanh nghiệp cũng đòi hỏi phải được hoàn thiện hơn.

Khoá luận: “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh” của em đã đề cập đến những vấn đề sau:

Về lý luận: Khoá luận đã nêu được một số vấn đề cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Về thực tiễn: Khoá luận đã phản ánh một cách đầy đủ thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty, đồng thời sử dụng số liệu năm 2012 để chứng minh cho những lập luận đã nêu.

Về kiến nghị: Em đã đối chiếu phần lý luận với thực tế đã nghiên cứu, từ đó đề xuất và nêu ra một số ý kiến còn mang tính lý thuyết nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

Trong thời gian thực tập và quá trình học hỏi, nghiên cứu để hoàn thiện khoá luận tốt nghiệp, em đã nhận được sự giúp đỡ, chỉ bảo của các cán bộ nhân viên Phòng kế toán và Ban lãnh đạo Công ty, đặc biệt là sự hướng dẫn tận tình của TS. Nguyễn Thị My. Do thời gian còn hạn chế và bản thân chưa có nhiều kinh nghiệm nên khoá luận này chắc chắn không tránh khỏi những sai sót. Vì vậy em rất mong nhận được sự chỉ bảo, góp ý của các thầy cô giáo để em có điều kiện bổ sung, nâng cao kiến thức của mình, phục vụ tốt hơn cho công tác kế toán sau này.

Em xin chân thành cảm ơn.

Hải Phòng, ngày 12 tháng 6 năm 2013

Sinh viên Trần Thị Tuyết Ngân

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán mới - TS Võ Văn Nhị
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) - Hệ thống tài khoản kế toán- NXB tài chính.
3. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) - Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán - NXB tài chính.
4. Luật kế toán - Hệ thống chuẩn mực kế toán - NXB tài chính.
5. Luận văn tốt nghiệp khoá trước.
6. Số liệu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Vĩnh Sinh

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	1
LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP	1
1.1- Nội dung cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.	1
1.1.1. Các khái niệm cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.....	1
1.1.2- Điều kiện ghi nhận doanh thu.	2
1.1.3- Nguyên tắc kế toán doanh thu.....	3
1.1.4 - Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	4
1.2- Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh	4
1.2.1- Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	4
1.2.2- Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.	10
1.2.3 Kế toán giá vốn bán hàng.....	13
1.2.3.1. Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho	13
1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.	18
1.2.4.1. Kế toán chi phí bán hàng (CPHH)	18
1.2.4.2 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp (CPQLDN).....	18
1.2.4.3. Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý DN.....	20
1.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	21
1.2.6. Kế toán kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh (bán hàng)	22
1.3. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính.....	23
1.3.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	23
1.3.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính.	24
1.3.3. Phương pháp hạch toán	25
1.4. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động khác	25
1.4.1 Kế toán thu nhập khác	25
1.4.2. Kế toán chi phí khác.....	26
1.4.3. Phương pháp hạch toán.	27
1.5. Sơ đồ 1.13: Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn DN.....	28

1.6. Sổ sách kế toán sử dụng phản ánh doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán.	28
1.6.1. Hình thức Nhật ký – sổ cái.....	28
1.6.2. Hình thức Nhật ký chung	29
1.6.3. Hình thức nhật ký chứng từ.....	30
1.6.4. Hình thức Chứng từ ghi sổ.	30
1.6.5. Hình thức kế toán trên máy tính.....	31
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VĨNH SINH	33
2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh.....	33
2.1.1. Thông tin chung về Công ty TNHH Vĩnh Sinh	33
2.1.2. Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh.....	33
2.1.3. Đặc điểm doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh. ...	33
2.1.4. Kỳ hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh.....	34
2.1.5. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh	35
.....	35
2.1.6. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh.....	36
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh	38
2.2.1. Nội dung hạch toán doanh thu bán hàng và chi phí sản xuất kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh.....	38
2.2.2. Nội dung hạch toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh.....	62
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh.	72
3.1.1. Ưu điểm:	72
3.1.2. Hạn chế.....	73
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	74

3.3. Yêu cầu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh.....	75
3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh.....	76
3.4.1. Kiến nghị 1: Hoàn thiện hệ thống tài khoản sử dụng.....	76
3.4.2. Kiến nghị 2: Hoàn thiện hệ thống chứng từ kế toán	76
3.4.3. Kiến nghị 4: Về công tác kế toán	79
3.4.5. Kiến nghị 5: Về việc ứng dụng phần mềm kế toán.....	79

LỜI MỞ ĐẦU

6- Tính cấp thiết của đề tài:

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, kinh tế Việt Nam với những thay đổi mạnh mẽ đã có những bước phát triển vượt bậc. Xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế, nhất là khi Việt Nam gia nhập tổ chức WTO, đã mang lại nhiều cơ hội cũng như những thách thức trong việc phát triển kinh tế. Vấn đề đặt ra cho các nhà quản lý kinh tế của doanh nghiệp là cần phải năng động và sáng tạo hơn, sử dụng đồng vốn một cách hiệu quả nhất, làm cho doanh nghiệp ngày càng phát triển đi lên vững mạnh. Bởi vậy các doanh nghiệp phải luôn luôn quan tâm đến hiệu quả kinh doanh, chú trọng đến các chi phí bỏ ra, doanh số thu được và kết quả kinh doanh. Do đó, hạch toán kế toán nói chung và hạch toán kết quả kinh doanh nói riêng là vấn đề không thể thiếu trong mỗi doanh nghiệp. Mọi hoạt động, mọi nghiệp vụ phát sinh trong doanh nghiệp đều được hạch toán để đi đến công việc cuối cùng là xác định kết quả kinh doanh.

Hiện nay, thông tin về kết quả kinh doanh là rất quan trọng vì căn cứ vào đó các nhà quản lý mới có thể biết được quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình có đạt được hiệu quả hay không và lời lỗ thế nào? Từ đó định hướng phát triển trong tương lai.

Với chức năng cung cấp thông tin, kiểm tra các hoạt động kinh tế trong doanh nghiệp công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả của việc quản lý của doanh nghiệp.

Nhận thấy tầm quan trọng của hệ thống kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, em đã mạnh dạn nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh”** làm đề tài tốt nghiệp.

7- Mục đích nghiên cứu của đề tài:

- về mặt lý luận: hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- về mặt thực tế: mô tả và phân tích thực trạng hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết

quả kinh doanh-tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh .

- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Tổng Công ty xây dựng đường thủy -Công ty sửa chữa phương tiện thủy và dịch vụ.

8- Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài:

* Đối tượng nghiên cứu: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh

* Phạm vi nghiên cứu:

- về không gian: Đề tài được thực hiện tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh
- về thời gian: đề tài được thực hiện từ ngày 25/3/2013 đến ngày 12/6/2013
- Việc phân tích được lấy từ số liệu của năm 2012.

9- Phương pháp nghiên cứu:

- Phương pháp chung: bao gồm các phương pháp hạch toán kế toán (phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tính giá, phương pháp tổng hợp cân đối) các phương pháp phân tích kinh doanh (phương pháp chi tiết, phương pháp so sánh).
- Phương pháp luận biện chứng được sử dụng trong khoá luận này chủ yếu là biện chứng trong mối liên hệ giữa thực tế với lí luận chung về hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

10-

Kết

cấu của khoá luận:

Ngoài lời mở đầu và kết luận, kết cấu của khoá luận gồm 3 chương nội dung:

- Chương I: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.
- Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh.
- Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh

